

LỜI CẢM ƠN

Là một sinh viên, được làm khóa luận không chỉ là niềm vinh hạnh mà còn là cơ hội để em có thể đem những kiến thức đã học trong 4 năm qua áp dụng vào thực tiễn của quê hương. Trong quá trình làm và hoàn thành khóa luận em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn tới tập thể các thầy cô giáo trong ngành văn hóa du lịch đã dìu dắt, dạy dỗ em trong suốt thời gian ngồi trên ghế giảng đường Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Đặc biệt, em muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới thầy giáo TS. Tạ Duy Trinh – người thầy trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo, giúp đỡ em trong suốt thời gian làm khóa luận.

Để có thể hoàn thành bài khóa luận này em xin chân thành cảm ơn Phòng văn hóa thể thao du lịch huyện, UBND Vân Đồn, Ban quản lý các di tích, nhà hàng, khách sạn, nhân dân địa phương đã tạo điều kiện giúp đỡ và cung cấp tài liệu thực tế cho em.

Và cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn tới gai đình, bè bạn đã tạo điều kiện và giúp đỡ em trong suốt thời gian qua.

Do thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và kiến thức của bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý và thông cảm của các thầy, cô giáo.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 7 năm 2010

Sinh viên

Phạm Thị Thu Hà

MỤC LỤC CÁC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ phân loại TNDL	12
Bảng 1: Chỉ tiêu đánh giá khí hậu đối với du lịch	15
Bảng 2: Tổng lượt khách và thu nhập du lịch thế giới.....	22
Bảng 3: Cơ cấu chỉ tiêu 1ngày của khách DL thế giới	24
Bảng 4: Số liệu thống kê du lịch huyện Vân Đồn.....	48
Biểu đồ: Tốc độ phát triển lượng khách và doanh thu Vân Đồn	48
Bảng 5: Một số chỉ tiêu cơ bản của tỉnh Quảng Ninh.....	58
Biểu đồ: Một số chỉ tiêu cơ bản của tỉnh Quảng Ninh.....	58
Bảng 6: Cơ cấu GDP tỉnh Quảng Ninh	59
Biểu đồ: Cơ cấu GDP tỉnh Quảng Ninh.....	59
Bảng 7:	
Mục tiêu cơ bản về lượng khách của huyện Vân Đồn năm 2010 – 2015.....	61
Biểu đồ:	
Mục tiêu cơ bản về lượng khách của huyện Vân Đồn năm 2010 – 2015.....	61

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

“Quảng Ninh quê em nơi Thành phố mở đẹp giàu, tiếng còi tàu nao nức vào ca. Yêu Quảng Ninh, yêu Hạ Long xanh thắm, Núi Bài Thơ sừng sững đứng ngàn đời”. Từ khi còn là một đứa trẻ bi bô tập nói, em đã được cô giáo dạy cho những lời ca đầy niềm tự hào ấy. Đất nước ưu ái đặt quê em cái tên “Vàng đen”, em thân thương gọi hai tiếng “Quê hương”.

Nhắc đến Quảng Ninh, hầu hết du khách đều nghĩ ngay đến Vịnh Hạ Long xinh đẹp với danh hiệu “Di sản thiên nhiên thế giới” mà ít ai biết đến cách đây khoảng 50km về phía bắc cũng có một nơi đẹp như thế mang tên Vân Đồn.

Đến với Vân Đồn, du khách không những sẽ được thả hồn vào khung cảnh thơ mộng của biển, mà còn cảm nhận được vẻ đẹp hoang sơ của núi rừng với màu xanh hiền hòa trải khắp trên khoảng 600 hòn đảo trong vịnh Bái Tử Long. Du ngoạn trên thuyền giữa biển nước trong xanh với những hòn đảo, dãy núi liên hoàn cùng màu xanh của cây lá là điều thú vị không hề dễ có. Nếu Vân Đồn cuốn hút bởi cảnh quan thơ mộng do thiên nhiên ưu đãi thì lại cực kì bí ẩn bởi các di tích lịch sử cùng các truyền thuyết hào hùng của dân tộc.

Chính vì vậy, Vân Đồn rất thích hợp cho các loại hình du lịch nghỉ ngơi, tắm biển, thể thao dưới nước kết hợp với tham quan di tích, lễ hội. Tuy nhiên thực tế hiện nay, do chưa khai thác hợp lí và đầu tư đúng mức nên du lịch chưa phát triển xứng tầm với tiềm năng.

Là một sinh viên theo học ngành văn hoá du lịch lại sinh ra và lớn lên trên mảnh đất thân yêu này, hơn ai hết em luôn có một mong muốn đóng góp một phần sức lực nhỏ bé của mình vào việc xây dựng quê hương đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch.

Nhân dịp làm khoá luận tốt nghiệp và bằng những kiến thức được trang bị trên ghế nhà trường trong suốt 4 năm qua, em mạnh dạn đưa ra đề tài “*Tiềm năng và một số giải pháp phát triển du lịch huyện Vân Đồn*” với mong muốn làm thay đổi diện mạo nơi đây.

2. Mục đích nghiên cứu.

Tìm hiểu tiềm năng tại Vân Đồn nhằm tìm ra những giải pháp có hiệu quả nhằm thúc đẩy du lịch phát triển xứng với tiềm năng. Từ đó hoà chung với sự phát triển của đất nước.

3. Đối tượng.

Nghiên cứu các tiềm năng của Vân Đồn để phục vụ cho phát triển du lịch

4. Nhiệm vụ.

- Tìm hiểu về cơ sở lí luận về du lịch và tài nguyên du lịch
- Tìm hiểu tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch Vân Đồn
- Đề ra một số giải pháp để khai thác có hiệu quả tiềm năng của Vân Đồn phục vụ cho phát triển du lịch.

5. Phạm vi nghiên cứu

Các bờ biển, hang động, vườn quốc gia, khu sinh thái, các di tích văn hoá cũng như các cơ sở hạ tầng và dịch vụ đã được khai thác để phục vụ du lịch.

6. Phương pháp nghiên cứu.

Em đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp duy vật lịch sử, duy vật biện chứng.
- Phương pháp tổng hợp, phân tích.
- Phương pháp quan sát, khảo sát thực địa
- Phương pháp phỏng vấn, thăm dò ý kiến bằng phiếu
- Phương pháp thống kê.

7. Cấu trúc của khoá luận

PHẦN MỞ ĐẦU

PHẦN NỘI DUNG gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về du lịch và tài nguyên du lịch
- Chương 2: Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Vân Đồn
- Chương 3: Một số giải pháp phát triển hiệu quả và bền vững du lịch Vân Đồn

PHẦN KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1. Khái niệm về Du lịch.

Ngày nay, cùng với tốc độ phát triển nhanh của hoạt động du lịch trong đời sống xã hội của các quốc gia, kinh doanh lữ hành thực sự đã có những bước tiến lớn và thu được những thành công đáng kể. Nó không chỉ giới hạn ở phạm vi từng quốc gia mà được mở rộng ra các châu lục. Ngành du lịch ngày càng khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế thế giới. Chính vì thế, Du lịch trước hết phải được hiểu là một ngành kinh tế, Du lịch ra đời khi nhu cầu của con người xuất hiện.

Có vô vàn những khái niệm về du lịch, ngay cả ở Việt Nam nhận thức về nội dung du lịch cũng chưa thực sự thống nhất. Tùy vào mỗi hoàn cảnh, thời điểm, khu vực và góc độ nghiên cứu mà mỗi người có cái nhìn khác nhau về Du lịch.

Tuy nhiên, dù nhìn ở bất kì khía cạnh nào thì du lịch hàm chứa các yếu tố cơ bản sau:

- Du lịch là một hiện tượng kinh tế xã hội.
- Du lịch là sự di chuyển và tạm thời lưu trú ngoài nơi ở thường xuyên của các cá nhân hoặc tập thể nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của họ.
- Du lịch là tập hợp các hoạt động kinh doanh phong phú và đa dạng nhằm phục vụ cho các cuộc hành trình, lưu trú tạm thời và các nhu cầu khác của cá nhân hoặc tập thể khi họ ở ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ.
- Các cuộc hành trình, lưu trú tạm thời của cá nhân hoặc tập thể đó đều đồng thời có một số mục đích nhất định, trong đó có mục đích hoà bình.

Theo Luật Du Lịch Việt Nam: “ Du lịch là các hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.”

2. Vai trò của du lịch.

2.1 Đối với kinh tế

Trong khái niệm về du lịch ở trên, ta luôn đề cập, Du lịch là một ngành kinh tế, cho nên chúng ta không thể phủ nhận vai trò cực kì quan trọng của nó trong nền kinh tế của mỗi quốc gia.

Trước hết, Du lịch có vai trò phục hồi nền kinh tế.

Nói về vai trò này của Du lịch, ngày 3 và 5 tháng 11 năm 1994 tại Hội nghị Bộ trưởng du lịch thế giới ở Osaka(Nhật Bản), tại điểm 2 khoản 1 tuyên bố này khẳng định “ Du lịch là nguồn lớn nhất tạo ra GDP và việc làm của thế giới, chiếm 1/10 mỗi loại, đồng thời đầu tư cho du lịch và các khoản thuế từ du lịch tương ứng cũng tăng cao. Những sự gia tăng này cùng với các chỉ tiêu khác của du lịch sẽ tiếp tục tăng trưởng một cách vững chắc và là đầu tàu kéo nền kinh tế thế giới ở thế kỉ 21”.

Du lịch làm tăng thu nhập kinh tế quốc dân của một vùng lãnh thổ, quốc gia. Kinh tế du lịch gây biến đổi lớn trong cơ cấu của cán cân thu chi của đất nước, của vùng du lịch. Đối với du lịch quốc tế, việc khách mang ngoại tệ đến đổi và tiêu thụ ở khu du lịch làm tăng tổ số ngoại tệ trong cán cân thu chi của đất nước. Đối với du lịch nội địa thì việc tiêu tiền của dân vùng du lịch cũng gây biến động trong cán cân thu chi của vùng.

Với đặc tính là một ngành kinh tế phụ thuộc rất lớn vào các ngành kinh tế khác như giao thông vận tải, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, công nghiệp chế biến thực phẩm, thông tin liên lạc..., Du lịch phát triển có vai trò như một chiếc đòn bẩy thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Trong quá trình hoạt động, du lịch đòi hỏi lượng lớn vật tư và hàng hoá đa dạng. Ngoài ra việc khách mang tiền từ nơi khác đến tiêu dùng ở điểm du lịch góp phần làm sống động nền kinh tế ở vùng du lịch và đất nước du lịch. Du lịch góp phần huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân vào vòng chu chuyển vì chi phí cho cuộc hành trình chính là từ tiền tiết kiệm của nhân dân.

Hơn nữa, sự phát triển của du lịch còn có tác dụng đánh thức các ngành nghề thủ công cổ truyền, ko những làm tăng thu nhập cho người dân địa phương mà còn góp phần vào công cuộc khôi phục và bảo tồn các làng nghề truyền thống.Mặt khác, xét về khía cạnh ngoại thương, du lịch quốc tế được coi là hoạt động xuất

khẩu tại chỗ với nhiều ưu thế nổi trội hơn. Chính vì vậy hiện nay nước ta coi Du lịch như một “nền kinh tế mũi nhọn”.

Ngoài ra, Du lịch phát triển sẽ giải quyết việc làm cho 1 lượng lao động không nhỏ cho đất nước, đặc biệt là tại những điểm du lịch. Hiện tại toàn bộ lao động du lịch có khoảng 1.224.096 người, trong đó lao động trực tiếp hơn 234.000 người (chiếm 19%). Theo xu hướng du lịch hiện nay, con người thường có nhu cầu đến những vùng xa xôi, hẻo lánh, vùng ven biển có tài nguyên du lịch phong phú. Điều này đòi hỏi đất nước phải có những chính sách đầu tư hợp lý về mọi mặt: giao thông vận tải, kinh tế, văn hoá... Do đó sẽ kéo theo sự thay đổi diện mạo của địa phương.

Nhìn chung qua những phân tích trên ta có thể nói, Du lịch ngày càng có những đóng góp to lớn vào nền kinh tế của mỗi quốc gia và trở thành nhu cầu không thể thiếu của người dân trong môi trường làm việc căng thẳng hiện nay. Tuy nhiên, ta cũng không thể phủ nhận những mặt tiêu cực mà Du lịch mang lại trên khía cạnh kinh tế. Tại những điểm Du lịch khi vào mùa, lượng khách tăng mạnh kéo theo mức độ tiêu dùng cao, giá cả theo đó mà cũng tăng vùn vụt gây ra tình trạng lạm phát cục bộ gây khó khăn cho việc chi tiêu của người dân tại địa phương đó mà không kinh doanh dịch vụ du lịch. Đây là một câu hỏi lớn đặt ra cho các nhà chức trách.

2.2 Đối với xã hội.

Du lịch có vai trò hạn chế bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và khả năng lao động. Theo các công trình nghiên cứu sinh học khẳng định rằng, nhờ chế độ nghỉ ngơi và du lịch tối ưu, bệnh tật của cư dân giảm trung bình 30%, bệnh đường hô hấp giảm 40%, bệnh thần kinh giảm 30%, bệnh tiêu hoá giảm 20% (Crisosep, Dorin, 1981). Ngoài ra, Nước suối khoáng nóng ở một số điểm du lịch là một dung dịch hỗn hợp chứa nhiều chất ion hóa mạnh, các chất men và hầu hết các nguyên tố hóa học cấu thành vỏ trái đất. Việc dùng nước suối khoáng từ lòng đất phun lên để tắm và uống có thể chữa một số bệnh và tăng cường sức khỏe! Tác dụng điều trị của suối khoáng được tạo nên bởi nhiệt độ của nước, các ion, tính phóng xạ, các muối hòa

tan, các kim loại và á kim, các nguyên tố vi lượng, các khí hiếm... Các loại nấm, rong li ti trong bùn sỏi khi đắp lên người cũng có công dụng điều trị. Tắm sỏi khoáng và ngâm bùn khoáng có tác dụng làm mịn da và giảm các bệnh về tim mạch, hệ thần kinh, bệnh ngoài da, phong thấp, đổ mồ hôi tay, chân.

Đi du lịch thường xuyên ngoài việc tạo ra 1 khoảng thời gian nghỉ ngơi thư giãn, hoạt động này còn giúp du khách mở mang tầm hiểu biết, nâng cao tri thức. Sau mỗi chuyến đi, ở một mức độ nào đó cũng cung cấp 1 lượng kiến thức nhất định cũng như khả năng giao tiếp và ứng xử qua quá trình giao lưu trong khi thực hiện tour du lịch. Mặt khác, khi Du lịch phát triển, đặc biệt là du lịch quốc tế ngày tăng, đòi hỏi những người dân địa phương ở các điểm du lịch phải có một vốn ngoại ngữ đủ dùng để phục vụ cho việc trao đổi hàng hoá và dịch vụ. Từ đó mà nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người dân.

Thông qua hoạt động du lịch, đông đảo nhân dân có điều kiện tiếp xúc với những thành tựu văn hoá lâu đời của dân tộc, từ đó tăng thêm lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết quốc tế, hình thành những phẩm chất tốt đẹp như yêu lao động, tình bạn...Điều đó quyết định đến việc hình thành nhân cách sau này.

Du lịch còn góp phần mở rộng quan hệ giao lưu giữa trong nước và quốc tế. giữa các vùng miền khác nhau. Là cơ hội để quảng bá đất nước với thế giới, giúp các nước bạn hiểu hơn về phong tục tập quán của nước mình và ngược lại. Từ đó tăng tinh đoàn kết quốc tế và tinh thần dân tộc. Đôi khi du lịch còn là sợi dây kết nối hoà bình.

Bên cạnh những tích cực mà Du lịch mang lại còn có mặt tiêu cực như việc tập trung khách quá đông vào mùa du lịch gây cản trở cho việc quản lí của các cơ quan chức năng. Theo đó mà các tệ nạn xã hội tăng cao như các trò mê tín dị đoan, cờ bạc trá hình, nghiện út, mại dâm...gây mất mỹ quan tại các điểm du lịch cũng như làm mất đi thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng xấu tới hình ảnh du lịch của đất nước.

Có giải quyết được những vấn đề này hay không phụ thuộc vào phần lớn vào ý thức của người dân cũng như thái độ của các nhà quản lí.

2.3 Đối với môi trường sinh thái.

Sinh thái là môi trường của hoạt động du lịch, không có môi trường sinh thái thì không có du lịch. Chính vì vậy khi du lịch phát triển, khi nhu cầu nghỉ ngơi tại các khu vực có nhiều cảnh quan thiên nhiên của du khách tăng cao đòi hỏi phải tôn tạo và bảo vệ môi trường, có những chính sách tu bổ bảo vệ tự nhiên để tăng sức hấp dẫn đối với du khách, làm tăng ý thức bảo vệ môi trường của người dân, vấn đề hàng đầu của nhân loại.

Giữa xã hội và môi trường trong lĩnh vực du lịch có mối quan hệ chặt chẽ. Một mặt xã hội đảm bảo sự phát triển tối ưu của du lịch nhưng mặt khác lại phải bảo vệ môi trường tự nhiên trước sự phá hoại của dòng khách và việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch. Như vậy du lịch và bảo vệ môi trường là những hoạt động gắn gũi và liên quan đến nhau. Điều này đặt ra cần có một chính sách quy hoạch du lịch hợp lí.

3. Tài nguyên Du lịch.

3.1 Khái niệm về tài nguyên Du lịch

Tài nguyên Du lịch được coi như là tiền đề của phát triển du lịch,. Thực tế cho thấy, tài nguyên du lịch càng đặc sắc càng phong phú bao nhiêu thì càng đem lại hiệu quả kinh doanh du lịch bấy nhiêu.

Tài nguyên hiểu theo nghĩa rộng là bao gồm toàn bộ các nguồn nguyên liệu, năng lượng, thông tin trên trái đất và không gian trong vũ trụ mà con người có thể sử dụng phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển của mình.

Trong cuốn địa lí du lịch có định nghĩa về tài nguyên du lịch như sau: “ Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ những tài nguyên này được sử dụng cho trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.”

Tại điều 4 Luật du lịch của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2005): “Tài nguyên Du lịch được hiểu là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, công trình sáng tạo của con người và các giá trị nhan bản khác có thể được sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu du lịch của con người;

là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.”

3.2 Đặc điểm của tài nguyên du lịch.(5 đặc điểm)

- Khối lượng các tài nguyên và diện tích phân bố các tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi du lịch.

- Thời gian khai thác xác định tính mùa của du lịch và nhịp điệu của dòng khách.

- Tính bất biến và lãnh thổ của đa số tài nguyên tạo ra lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó.

- Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao, cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập các loại tài nguyên.

- Tài nguyên du lịch có khả năng sử dụng nhiều lần nếu như tuân theo các quy định về sử dụng tài nguyên một cách hợp lí và thực hiện các biện pháp để bảo vệ chung.

3.3 Vai trò của tài nguyên du lịch.

Du lịch là một ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ bản, điều kiện tiên quyết để hình thành và phát triển du lịch của một địa phương. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên cùng địa bàn có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển du lịch. Vì vậy, sức hấp dẫn du lịch của một địa phương phụ thuộc rất nhiều vào nguồn tài nguyên du lịch của địa phương đó.

- Tài nguyên du lịch (TNDL) là yếu tố cơ bản để tạo thành các sản phẩm du lịch. Theo Điều 4 chương I Luật Du lịch giải thích : “Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thoả mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến đi du lịch”. Khách đi du lịch để thoả mãn nhu cầu tham quan, nghỉ ngơi và mở mang tầm hiểu biết, mà các TNDL chính là cơ sở để hình thành lên các dịch vụ cần thiết ấy. TNDL là yếu tố quan trọng mang lại tính quyết định để tạo nên quy mô, số

lượng và chất lượng sản phẩm du lịch. Ngoài ra, TNDL chính là sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch, khi du khách bị thu hút bởi các TNDL thì mới hình thành nhu cầu đi tới để khám phá và từ đó sản phẩm du lịch mới được tạo ra.

- Hiệu quả kinh doanh của ngành Du lịch phụ thuộc rất lớn vào TNDL. Một nơi có TNDL phong phú và đa dạng bao giờ cũng thu hút một lượng khách lớn hơn hẳn so với những nơi mà tài nguyên du lịch còn nghèo nàn và chưa được khai thác triệt để. Du khách có quyết định thực hiện các chuyến đi du lịch hay không phụ thuộc vào các giá trị của TNDL tại điểm đến có đủ sức hấp dẫn hay không? Việc tập trung tiêu dùng của du khách tại điểm đến, đặc biệt là vào mùa vụ sẽ tạo ra khối lượng doanh thu lớn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

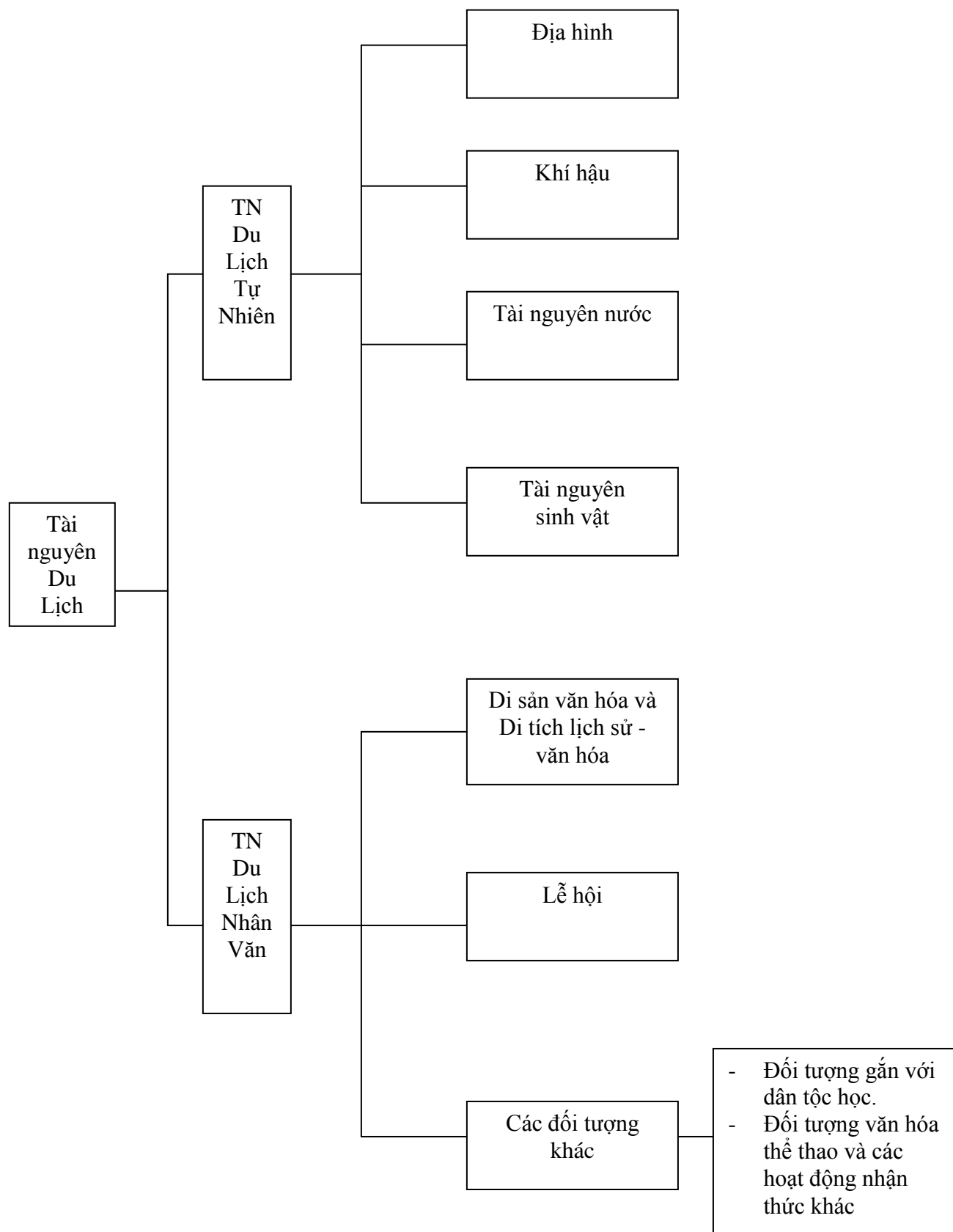
- Loại hình du lịch là tập hợp các sản phẩm du lịch giống nhau, mà như ta phân tích ở trên thì TNDL là yếu tố quyết định đến sự hình thành của sản phẩm du lịch. Chính vì vậy, có thể nói TNDL là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch. Ví dụ loại hình Du lịch sinh thái gắn với các tài nguyên tự nhiên, còn Du lịch văn hoá thì phải gắn với tài nguyên nhân văn. Để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách thì các doanh nghiệp du lịch, các địa phương, các quốc gia cần có chính sách làm đa dạng hoá các loại hình du lịch.

- TNDL là một bộ phận cấu thành lên các điểm du lịch, khu du lịch và vùng du lịch. Thực tế cho thấy, nơi nào tập trung nhiều tài nguyên du lịch sẽ hình thành lên hệ thống lãnh thổ du lịch. TNDL cũng chính là yếu tố thu hút các dự án đầu tư của nhà nước và các nhà kinh doanh, từ đó hình thành lên một phân vị về lãnh thổ du lịch phụ thuộc vào mức độ tập trung của TNDL và cấp độ đầu tư của cơ sở vật chất.

Hiệu quả phát triển du lịch của hệ thống lãnh thổ du lịch phụ thuộc rất lớn vào TNDL. Điều này đòi hỏi cần có những chính sách quy hoạch hợp lý của từng địa phương, từng quốc gia trong việc khai thác tối ưu TNDL nhưng cũng phải đảm bảo được công tác tôn tạo và bảo tồn, tránh hiện tượng lãng phí và làm ô nhiễm tài nguyên du lịch.

3.4 Phân loại của tài nguyên du lịch.

SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI TÀI NGUYÊN DU LỊCH



3.4.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.

Theo khoản 1 điều 13 của Luật Du lịch: “Tài nguyên du lịch tự nhiên (TNDLTN) gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.”

Theo Th.S Bùi Thị Hải Yến: “Tài nguyên du lịch tự nhiên là các thành phần và các tổng thể tài nguyên trực tiếp hoặc gián tiếp được khai thác sử dụng để tạo ra sản phẩm du lịch, phục vụ cho mục đích phát triển du lịch”

Có thể hiểu một cách đơn giản là TNDLTN là tổng thể tự nhiên các thành phần của nó có thể góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí tuệ của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ và được lôi cuốn vào phục vụ cho nhu cầu cũng như sản xuất dịch vụ du lịch.

3.4.1.1. Địa hình

Địa hình là một yếu tố quan trọng góp phần tạo nên phong cảnh và sự đa dạng của phong cảnh nơi đó. Đối với du lịch, các dấu hiệu bên ngoài của địa hình càng đa dạng và phức tạp bao nhiêu thì lại càng tăng thêm sức lôi cuốn bấy nhiêu.

Có thể phân chia Địa hình thành 3 loại chính : đồng bằng, đồi, núi. Thực tế cho thấy các khu du lịch nào mà có sự kết hợp của cả 3 dạng địa hình thì càng có sức hấp dẫn, có khả năng thu hút du khách tỉ lệ cao hơn hẳn.

- Địa hình đồng bằng tương đối đơn điệu về mặt ngoại hình, gây cảm giác nhàm chán cho du khách. Tuy nhiên, với đặc tính là vùng đất bằng phẳng là điều kiện để xây dựng các cơ sở hạ tầng, sơ sở dịch vụ phục vụ du lịch trở nên dễ dàng và ít tốn kém hơn. Hơn nữa, đồng bằng cũng là nơi hình thành, bảo tồn và lưu giữ các giá trị văn hoá của loài người, giúp các du khách có thể tìm hiểu được các nền văn minh của nhân loại.

- Địa hình đồi núi thường tạo ra được những không gian bao la, kì vĩ, tạo cho du khách tâm lí tò mò và muốn khám phá. Hơn nữa lại có khí hậu trong lành mát mẻ, là nơi cư trú của cộng đồng dân tộc thiểu số. Hoàn toàn thích hợp cho nhiều loại hình du lịch như tham quan nghỉ dưỡng, khám phá, du lịch mạo hiểm, du lịch

tìm hiểu văn hoá... Nhưng loại địa hình này cũng có những bất lợi nhất định trong việc khai thác các tài nguyên du lịch.

Ngoài các dạng địa hình cơ bản trên, dạng địa hình Karst và địa hình ven bờ cũng có ý nghĩa lớn trong phát triển du lịch.

- Địa hình Karst: Là kiểu địa hình được tạo thành do quá trình kiến tạo của vỏ trái đất (đứt gãy, tạo sơn, sụt lún) kết hợp với các quá trình ngoại lực chủ yếu là sự lưu thông của nước trong các loại đá dễ bị hoà tan. Ở Việt Nam thì nó được hình thành chủ yếu là trong địa hình đá vôi dưới dạng các hang động và Karst ngập nước mà đặc trưng là Vịnh Hạ Long và động Phong Nha. Do có sự ưu ái của tự nhiên mà các hang động Karst thường có vẻ đẹp tráng lệ, lộng lẫy, rất kì ảo và hùng vĩ. Ngoài ra, nhiều hang động còn có các di tích khảo cổ học, di tích lịch sử văn hoá... Đây là yếu tố quan trọng để phát triển loại hình du lịch kết hợp.

- Địa hình ven bờ: Đây là loại địa hình được khai thác khá phổ biến trong du lịch dưới dạng các bãi biển, được du khách đón nhận dễ dàng và thích hợp với nhiều tầng lớp. Nước ta có bờ biển dài 3.620km với nhiều bãi cát dài, phong cảnh hoang sơ, thơ mộng hữu tình là tiềm năng cần được chú trọng khai thác.

3.4.1.2. Khí hậu

Sở dĩ khí hậu được coi là tài nguyên du lịch vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định lựa chọn loại hình sản phẩm du lịch của du khách và tạo ra tính mùa vụ trong du lịch. Ví dụ như khách đi du lịch vào mùa hè thì cần đến nơi có khí hậu ít mưa, nắng nhiều nhưng không quá gắt để có thể thực hiện những trò chơi ngoài trời hoặc đi du lịch dã ngoại, tránh những nơi thường xuyên xảy ra bão lũ, còn nếu đi du lịch vào mùa đông, khi thời tiết trở nên lạnh thì du khách có xu hướng du lịch trên núi và thể thao mùa đông.

Trong các chỉ tiêu về khí hậu đáng lưu ý nhất là 2 chỉ tiêu: nhiệt độ và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn có các yếu tố khác như gió, áp suất khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

Bảng 1 :

Hạng	Ý nghĩa	Nhiệt độ TB năm (t ⁰)	Nhiệt độ TB tháng (t ⁰)	Biên độ nhiệt của nhiệt độ TB năm (t ⁰)	Lượng mưa (mm)
1	Thích nghi	18 – 24	24 - 27	<6	1250 – 1990
2	Khá thích nghi	24 – 27	27 – 29	6 – 8	1990 – 2550

Nguồn: Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kì 1995 – 2010, tr40. Tổng cục du lịch.

Việt Nam nằm hoàn toàn trong vòng đai nhiệt đới của nửa cầu bắc, thiên về chí tuyến hơn là phía xích đạo. Vị trí đó đã tạo cho Việt Nam có một nền nhiệt độ cao. Nhiệt độ trung bình năm từ 22°C đến 27°C. Hàng năm, có khoảng 100 ngày mưa với lượng mưa trung bình từ 1.500 đến 2.000mm. Độ ẩm không khí trên dưới 80%. Số giờ nắng khoảng 1.500 - 2.000 giờ, nhiệt bức xạ trung bình năm 100kcal/cm². Chế độ gió mùa cũng làm cho tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên Việt Nam thay đổi. Nhìn chung, Việt Nam có một mùa nóng mưa nhiều và một mùa tương đối lạnh, ít mưa. Trên nền nhiệt độ chung đó, khí hậu của các tỉnh phía bắc (từ đèo Hải Vân trở ra Bắc) thay đổi theo bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Như vậy so với bảng chỉ tiêu ở trên, khí hậu Việt Nam hoàn toàn thích nghi với phát triển du lịch. Vấn đề nằm ở khâu định hướng và giải pháp khai thác sao cho có hiệu quả.

3.4.1.3. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước bao gồm tài nguyên nước mặt và tài nguyên nước ngầm.

- Nước mặt bao gồm nước đại dương, biển, sông, hồ(tự nhiên, nhân tạo), suối, thác nước...Nguồn tài nguyên này không chỉ có vai trò quan trọng trong việc hình thành các loại hình du lịch như thể thao dưới nước, tắm biển, tạo ra cảnh quan thiên nhiên mà còn có tác dụng phục hồi và ảnh hưởng trực tiếp đến các yếu tố khác của môi trường sống, đặc biệt nó làm dịu đi khí hậu ven bờ. Giới hạn về nhiệt

độ của lớp nước trên mặt tối thiểu có thể chấp nhận được là 18⁰c với người lớn, 20⁰c với trẻ em.

- Nước ngầm cần chú trọng tài nguyên nước khoáng. Đây là nguồn nước có ý nghĩa lớn đối với du lịch. Các thành phần có trong nước khoáng có khả năng chữa các bệnh về đường tiêu hoá, thần kinh, thấp khớp, phụ khoa và các bệnh ngoài da... Nguồn tài nguyên này thích hợp với du lịch nghỉ dưỡng và chữa bệnh.

3.4.1.4. Tài nguyên sinh vật.

Tài nguyên sinh vật bao gồm toàn bộ các loài thực vật, động vật sống trên lục địa và dưới nước vốn có sẵn trong tự nhiên và do con người thuần dưỡng, chăm sóc lai tạo.

Rừng là dạng tài nguyên sinh vật vô cùng quan trọng, đặc biệt là rừng nguyên sinh và thuần chủng. Loại tài nguyên này không chỉ là yếu tố tạo nên cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn mà nó còn có ý nghĩa bảo vệ môi trường.

Với thảm thực vật phong phú, độc đáo và điển hình cùng một số loài động vật đặc hữu, không khí trong lành, thoáng mát là điều kiện để phát triển loại hình tham quan nghỉ dưỡng. Tài nguyên sinh vật cũng là nguồn cung cấp dược liệu cho việc phát triển loại hình du lịch chữa bệnh và an dưỡng. Hơn nữa, Vườn quốc gia và các khu bảo tồn là không gian nuôi dưỡng và bảo tồn các loài sinh vật trong sách đỏ, góp phần to lớn cho công cuộc bảo vệ môi trường.

3.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn (TNDLNV):

Theo khoản 1, điều 13. Luật Du lịch: “ Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.”

Có thể hiểu 1 cách ngắn gọn, TNNV là các đối tượng, hiện tượng do con người tạo ra trong suốt quá trình tồn tại và có giá trị phục vụ cho nhu cầu du lịch.

TNNV có các đặc điểm sau:

- Có tác dụng nhận thức nhiều hơn. Tác dụng giải trí không điển hình hoặc chỉ có ý nghĩa thứ yếu.

- Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo thường diễn ra trong thời gian ngắn.
- Số người quan tâm tới TNDLNV thường có văn hoá cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.
- TNDLNV thường tập trung ở các điểm quần cư và thành phố lớn.
- Ưu thế của TNDLNV là đại bộ phận không có tính mùa vụ (trừ các lễ hội), không bị phụ thuộc nhiều vào các điều kiện khí hậu và các điều kiện tự nhiên khác.
- Sở thích của những người tìm đến TNDLNV rất phức tạp và rất khác nhau...

3.4.2.1. Các di sản văn hoá thế giới và di tích lịch sử - văn hoá.

- Di sản văn hoá thế giới.

Các di sản văn hoá thế giới là kết tinh cao nhất của những sáng tạo văn hoá một dân tộc. Bất cứ một quốc gia nào nếu có những di tích được công nhận là di sản văn hoá thế giới thì không những là một tôn vinh lớn cho dân tộc ấy, mà còn là nguồn tài nguyên quý giá, có sức hút khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế.

- Di tích lịch sử - văn hoá

Ở Việt Nam, theo pháp luật bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử – văn hoá và danh lam thắng cảnh (04/04/1984), di tích lịch sử – văn hoá được quy định như sau: “Di tích lịch sử – văn hoá là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, cũng như các giá trị văn hoá khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hoá – xã hội”.

Di tích lịch sử – văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó chứa đựng những giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc do cá nhân con người hoạt động sáng tạo trong lịch sử để lại.

Có 4 loại di tích lịch sử – văn hoá:

+ Loại hình di tích văn hoá khảo cổ: là những địa điểm ấn dấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về một thời kỳ lịch sử – xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Đại đa số các di tích văn hoá khảo cổ nằm trong lòng đất, cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất (các bức chạm khắc trên vách đá).

Di tích văn hoá khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ, nó được phân thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng, ngoài ra còn có cả những công trình kiến trúc cổ, những thành phố cổ, tàu thuyền cổ bị chìm đắm.

+ Loại di tích lịch sử.

Di tích lịch sử là những di tích ghi nhận các sự kiện lịch sử hoặc các đặc điểm lịch sử tiêu biểu của các dân tộc trong quá trình phát triển lịch sử của mình. Lịch sử của mỗi quốc gia là một quá trình lâu dài với nhiều sự kiện được ghi dấu, do vậy những di tích nào gắn với các sự kiện tiêu biểu mới được coi là di tích lịch sử.

+ Loại văn hoá – nghệ thuật

Các di tích văn hoá – nghệ thuật đặc biệt là các di tích lịch sử – văn hoá, bao gồm các công trình kiến trúc có giá trị hoặc các tác phẩm nghệ thuật khác như tượng đài, các bích hoạ... Trên thế giới cũng như ở nước ta có rất nhiều di tích văn hoá – nghệ thuật nổi tiếng như tháp Epphen, Khải hoàn môn, văn miếu Quốc tử giám, toà thánh Tây Ninh...

+ Các danh lam thắng cảnh.

Thực tế loại hình này là sự tập hợp của 2 loại hình di tích: di tích nhân tạo và di tích thiên tạo. Đây là nơi có phong cảnh thiên nhiên đẹp, có chứa đựng những công trình do con người tạo ra, thường là những ngôi chùa, ngôi đền hay một công trình văn hoá nào đó...

3.4.2.2. Các lễ hội.

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Là một hình thức sinh hoạt tập thể của nhân dân sau những ngày lao động vất vả hoặc là một dịp để mọi người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, hoặc liên quan đến những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, hoặc chỉ đơn thuần là những hoạt động có tính chất vui chơi giải trí. Nhìn chung, các lễ hội nổi tiếng có tính hấp dẫn rất lớn đối với du khách, có sức lôi cuốn đông đảo người tham gia.

Theo thống kê của các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian, Việt Nam có gần 500 lễ hội cổ truyền lớn, nhỏ trải rộng khắp đất nước trong bốn mùa xuân, hạ, thu,

đông. Mỗi lễ hội mang một nét tiêu biểu và giá trị riêng, nhưng bao giờ cũng hướng tới một đối tượng linh thiêng cần được suy tôn như những vị anh hùng chống ngoại xâm, những người có công dạy dỗ truyền nghề, chống thiên tai, diệt trừ ác thú, giàu lòng cứu nhân độ thế... Với tư tưởng uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây, ngày hội diễn ra sôi động bằng những sự tích, công trạng, là cầu nối giữa quá khứ với hiện tại, làm cho thế hệ trẻ hôm nay hiểu được công lao tổ tiên, thêm tự hào về truyền thống quê hương, đất nước của mình. Đặc biệt, lễ hội ở nước ta gắn bó với làng xã, địa danh, vùng đất như một thành tố không thể thiếu vắng trong đời sống cộng đồng nhân dân.

Lễ hội là tài nguyên văn quý giá, phục vụ cho phát triển du lịch là bản sắc của mỗi vùng miền, mỗi quốc gia cần được gìn giữ và bảo tồn.

3.4.2.3. Các đối tượng khác.

- Các đối tượng gắn với dân tộc học

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa với du lịch là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen ăn uống, sinh hoạt, kiến trúc, trang phục, ca múa nhạc...

Mỗi một dân tộc có những điều kiện sinh sống, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang những sắc thái riêng của mình và có những địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù riêng của từng dân tộc có sức hấp dẫn đối với khách du lịch có nhu cầu tìm hiểu và khám phá, đặc biệt là khách quốc tế.

Việt Nam có 54 dân tộc. Nhiều dân tộc vẫn giữ được phong tục tập quán của mình. Nước ta còn có hàng trăm làng nghề thủ công truyền thống với những sản phẩm nổi tiếng, độc đáo thể hiện tư duy triết học, tâm tư tình cảm của con người, đặc biệt là các nghề chạm khắc, đúc đồng, thêu, dệt, sành sứ... Các món ăn dân tộc độc đáo với nghệ thuật cao về chế biến và nấu nướng. Nhiều kiến trúc có bố cục theo thuyết phong thủy của triết học phương Đông, rồi những kiến trúc tôn giáo (nhất là kiến trúc Chăm)... có giá trị, hấp dẫn du khách.

Để khai thác nguồn tài nguyên quý giá này, hiện nay du lịch nước ta đang phát triển loại hình du lịch nghiên cứu văn hoá tộc người bằng cách tham gia trực tiếp

vào đời sống thường nhật của người dân trên vùng cao. Đây là một loại hình gây cho du khách khá nhiều điều thú vị.

- Các đối tượng văn hoá – thể thao và hoạt động nhận thức khác.

Những đối tượng văn hoá như các trung tâm khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn, bảo tàng... đều có sức hấp dẫn rất lớn du khách tới tham quan và nghiên cứu.

Những hoạt động mang tính sự kiện: các giải thể thao lớn, các cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân, các hội chợ, liên hoan phim ảnh quốc tế, ca nhạc quốc tế... cũng là đối tượng hấp dẫn khách du lịch.

Thông thường những đối tượng văn hoá tập trung ở các thủ đô và các thành phố lớn. Vì vậy những thành phố lớn đương nhiên trở thành những trung tâm du lịch văn hoá của các quốc gia, vùng và khu vực và là hạt nhân của các trung tâm du lịch. Đây là cơ hội để quảng bá hình ảnh đất nước với thế giới, kêu gọi đầu tư, tạo điều kiện cho kinh tế đất nước phát triển.

4. Cơ sở hạ tầng – Cơ sở vật chất phục vụ du lịch

4.1 Cơ sở lưu trú và ăn uống.

- *Cơ sở lưu trú.*

Theo Điều 4 – Luật du lịch: “Cơ sở lưu trú du lịch là cơ sở cho thuê buồng, giường và cung cấp các dịch vụ khác phục vụ khách lưu trú, trong đó khách sạn là cơ sở lưu trú du lịch chủ yếu”

Các loại cơ sở lưu trú du lịch bao gồm:

- Khách sạn;
- Làng du lịch;
- Biệt thự du lịch;
- Căn hộ du lịch;
- Bãi cắm trại du lịch;
- Nhà nghỉ du lịch;
- Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê;
- Các cơ sở lưu trú du lịch khác.

- *Cơ sở ăn uống.*

Là hệ thống các nhà hàng, quán bar... phục vụ nhu cầu ăn uống của khách du lịch tại điểm tham quan du lịch.

4.2 Cơ sở giao thông vận tải phục vụ cho du lịch.

Bao gồm các phương tiện giao thông vận tải như ô tô, tàu thủy, tàu hỏa, máy bay... và các điều kiện cơ sở hạ tầng: đường xá, nhà ga, sân bay, bến cảng.. với mục đích giúp cho khách vượt qua các khoảng cách về không gian. Đảm bảo an toàn và tính mạng cho khách. Đưa khách đi đúng chặng, đúng tuyến.

4.3 Mạng lưới các cửa hàng thương nghiệp.

Bao gồm hệ thống các cửa hàng bán thực phẩm, hoa quả, đồ lưu niệm, quần áo. Các cửa hàng này được bố trí ở các địa điểm du lịch hoặc trên các đầu mối giao thông nhằm đáp ứng các nhu cầu về hàng hóa của khách du lịch bằng việc bán các hàng hóa đặc trưng cho du lịch. Mạng lưới này đồng thời cũng phục vụ cho cả người dân địa phương.

4.4 Cơ sở thể thao.

Bao gồm các công trình thể thao, các phòng tập, các thiết bị chuyên dùng như bể bơi, sân vận động... tạo cho khách không gian hoạt động thể thao trong chuyến đi du lịch.

4.5 Cơ sở y tế.

Bao gồm hệ thống cơ sở y tế như các trạm xá, phòng khám, bệnh viện với mục đích chữa bệnh và chăm lo sức khỏe cho du khách. Thường được bố trí ở gần trung tâm thương mại hoặc gần với khu du lịch.

4.6 Các công trình thông tin văn hóa, tuyên truyền và quảng cáo.

Bao gồm các trung tâm thông tin như các cơ sở truyền thông, phòng chiếu phim, nhà hát, triển lãm... Thứ nhất nó có tác dụng nâng cao kiến thức văn hóa xã hội cho khách. Thứ hai, nhờ vào sức mạnh quảng bá của các cơ sở truyền thông mà thúc đẩy du lịch phát triển.

4.7 Cơ sở phục vụ dịch vụ bổ sung.

Đây là các công trình giúp khách du lịch sử dụng triệt để hơn tài nguyên du lịch, tạo ra tiện nghi khi họ đi lại và lưu trú du lịch bao gồm: trạm xăng dầu, in ấn, giặt là, tiệm cắt tóc.... Các công trình này chủ yếu phục vụ cho người dân địa phương nhưng cũng góp phần làm nên tính đồng bộ của dịch vụ du lịch.

5. Xu hướng phát triển du lịch.

5.1 Nhu cầu du lịch ngày càng tăng.

Bảng 2 : Tổng lượt khách và thu nhập du lịch thế giới.

Năm	Số lượt khách (triệu)	Thu nhập (tỷ USD)
1950	25.3	2.1
1960	69.3	6.9
1970	165.8	17.9
1980	278.2	106.5
1990	445.8	272.9
2000	685.5	476.4
2005	783.9	630.5

Nguồn: www.panda.org/greatermekong

Lý do:

- Kinh tế phát triển, thu nhập người dân tăng, khả năng chi trả cho chuyến đi cũng từ đó mà tăng theo.
- Trong xu hướng hội nhập của thế giới, tăng cường giao lưu hợp tác, con người cũng có xu hướng muốn tìm hiểu về những mảnh đất mới, ham học hỏi và khám phá.
- Có sở hạ tầng và vật chất kĩ thuật ngày càng được nâng cao(Đường bộ, đường không, đường thủy, đường sắt..) giúp việc đi lại trở nên thuận tiện hơn, chi phí hạ.
- Trình độ dân trí nâng cao cộng với môi trường làm việc căng thẳng làm cho nhu cầu đi du lịch để nghỉ ngơi, giảm bớt áp lực hàng ngày cùng với chính sách

ngày nghỉ của người lao động làm cho họ có một khoảng thời gian rỗi nhất định hàng năm để thực hiện chuyến đi.

5.2 Nhu cầu du lịch sinh thái phát triển nhanh trong thời gian gần đây.

Đi cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế công nghiệp là sự ô nhiễm ngày càng trầm trọng của môi trường. Con người luôn muốn tìm đến một nơi có không khí trong lành để tìm lại những khoảng không gian tự nhiên thoáng mát để thư giãn mà hàng ngày họ không có được.

Du lịch sinh thái không chỉ giúp du khách nghỉ ngơi sau một khoảng thời gian làm việc căng thẳng, mà còn cung cấp cho du khách một lượng kiến thức tương đối về môi trường, để từ đó có ý thức bảo vệ nó hơn.

5.3 Dòng khách đang có xu hướng phát triển nhanh tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Ngày 16/2/2009 Tập đoàn Visa và Hiệp Hội Du lịch Châu Á Thái Bình Dương (PATA) đã công bố kết quả khảo sát Dự định Du lịch trong khu vực "Các tham khảo du lịch mang tính quyết định trong 2009 và tương lai". Trong tổng số 5.554 người được khảo sát từ khắp 11 nước trên thế giới, có khoảng 60 phần trăm trả lời rằng họ sẽ đến Châu Á Thái Bình Dương. Đến Châu Á Thái Bình Dương từ Bắc Mỹ và miền Tây Âu chiếm khoảng 35 %. Danh sách ba điểm đến hàng đầu được nhiều du khách lựa chọn nhất từ nay đến năm 2010 là Úc (43 %), Nhật Bản (37 %) và Hồng Kông (35 %).

Lý do:

- Giá cả và hàng hoá dịch vụ thấp hơn hẳn so với các khu vực khác.
- Phong cảnh thiên nhiên đẹp.
- Đây là vùng đất của các nền văn minh lâu đời của loài người như Văn minh lưỡng hà, lưu vực Sông Ấn và sông Trường Giang.
- Con người thân thiện, nhiệt tình niềm nở.

5.4 Du khách đến nhiều điểm trong một chuyến đi

Với nhu cầu tìm hiểu, khám phá ngày càng tăng mà thời gian rảnh lại không nhiều nên khi đi du lịch du khách thường tận dụng tối đa, tham quan càng nhiều

địa điểm càng tốt. Chính vì thế, các tour dài ngày kết hợp tham quan nhiều điểm đang được các doanh nghiệp đang được chú trọng phát triển.

5.5 Cơ cấu chi tiêu của khách thay đổi theo chiều hướng phát triển tỷ trọng của chi tiêu mua sắm và các dịch vụ bổ trợ.

Bảng 3: Cơ cấu chi tiêu 1 ngày của khách du lịch quốc tế

Chi tiêu	Cơ cấu (%)			Tăng giảm cơ cấu năm 2008/2006 (+,-)
	2006	2007	2008	
Tiền thuê phòng	30.11	32.12	31.14	1.03
Tiền ăn uống	28.10	28.72	29.05	0.95
Tiền đi lại	17.38	13.16	17.80	0.42
Chi phí tham quan	8.95	8.92	9.00	0.05
Chi mua hàng hóa, quà lưu niệm	10.18	9.95	10.43	0.25
Chi dịch vụ văn hóa thể thao	1.97	2.94	1.45	- 0.52
Chi phí y tế	0.20	0.73	0.46	0.26
Chi phí khác	3.11	3.43	0.67	- 2.44

Nguồn: www.binhthuan.gov.vn/Chuyenmuc/dulich/solieu/b33.htm

Trong cơ cấu các khoản chi tiêu của du khách, khoản chi cho lưu trú chiếm lớn nhất, chiếm gần một phần ba (năm 2008 là 31.14%) trong tổng số các khoản chi tiêu; tiếp đến là chi cho ăn uống chiếm hơn một phần tư (năm 2008 là 29.05%) thứ ba là chi cho lưu trú và chi mua sắm hàng hoá, quà tặng, quà lưu niệm, cả hai gần bằng nhau và mỗi khoản chiếm khoảng 15%.

Nguyên nhân chủ yếu của sự chuyển dịch này có thể nói chủ yếu là do tỉ lệ lạm phát cao, làm đồng tiền bị trượt giá mạnh, các mức chi phí đều bị đẩy lên cao hơn trước. Thêm vào đó, gần đây cơ cấu thành phần du khách có nhiều thay đổi. Du lịch không còn là đặc quyền của tầng lớp trên mà xu thế quần chúng hóa thành phần du lịch trở lên phổ biến. Du khách hiện nay nhiều thành phần trong xã hội, giới tính, tầng lớp... Khi dân trí được mở mang, đời sống được nâng cao, thu nhập

có nhiều cải thiện thì nhu cầu đòi hỏi về chất lượng, mức độ tiện nghi của dịch vụ cũng như nhu cầu mua sắm hàng hóa của du khách cũng tăng thêm.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trên đây là những lý luận chung về du lịch, tài nguyên du lịch và xu hướng phát triển du lịch hiện nay.

Với việc đưa ra những khái niệm của các nhà nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu của các tổ chức, học giả nhằm đưa ra được sự tổng hợp bao quát trong phạm vi nghiên cứu đề tài và là những yếu tố giúp cho vấn đề đưa ra có tính thuyết phục hơn.

Những lí luận chung cơ bản này sẽ giúp cho hoạt động tìm hiểu đề tài được thêm phần phong phú và có định hướng đúng đắn trong cách tiếp cận nguồn tài nguyên du lịch cho việc phát triển du lịch trên địa bàn nghiên cứu, phục vụ cho hiệu quả công tác nghiên cứu.

Kho tàng lí luận là vô cùng rộng lớn, việc lựa chọn sao cho phù hợp với thực tế địa bàn nghiên cứu là một việc đòi hỏi phải có sự nghiêm túc trong quá trình làm việc sao cho xây dựng được những giải pháp phát triển đúng đắn, có những định hướng lâu dài cho tương lai.

Chương 2

TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN VÂN ĐỒN

1. Tiềm năng du lịch Huyện Vân Đồn.

1.1 Vài nét về Huyện Vân Đồn và tỉnh Quảng Ninh.

1.1.1 Vài nét về tỉnh Quảng Ninh.

Quảng Ninh là tỉnh ven biển thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, có tổng diện tích là 8.239,243 km², 80% diện tích Quảng Ninh là địa hình đồi núi, tập trung ở phía Bắc. Một phần năm diện tích ở phía Đông Nam tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng. Quảng Ninh còn có rất nhiều đảo ven biển. Địa hình đáy biển Quảng Ninh không bằng phẳng, độ sâu trung bình là 20 m, có nhiều lạch sâu làm nơi cư trú của các rạn san hô.

Quảng Ninh có 2 thành phố trực thuộc, 2 thị xã và 10 huyện:

- Thành phố Hạ Long 20 phường
- Thành phố Móng Cái 8 phường và 9 xã
- Thị xã Uông Bí 7 phường và 4 xã
- Thị xã Cẩm Phả 14 phường và 2 xã
- Huyện Ba Chẽ 1 thị trấn và 7 xã
- Huyện Bình Liêu 2 thị trấn và 7 xã
- Huyện Cô Tô 1 thị trấn và 2 xã
- Huyện Đàm Hà 1 thị trấn và 7 xã
- Huyện Đông Triều 2 thị trấn và 19 xã
- Huyện Hải Hà 1 thị trấn và 15 xã
- Huyện Hoành Bồ 1 thị trấn và 14 xã
- Huyện Tiên Yên 1 thị trấn và 11 xã
- Huyện Vân Đồn 1 thị trấn và 11 xã
- Huyện Yên Hưng 1 thị trấn và 18 xã

Quảng Ninh có 184 đơn vị hành chính cấp xã gồm 127 xã, 48 phường và 9 thị trấn. Quảng Ninh là tỉnh có nhiều thành phố và thị xã trực thuộc nhất của Việt Nam.

Dân số Quảng Ninh theo tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 là 1.144.381 người trong đó nữ là 558.793 người có tỉ lệ dân số sống ở thành thị cao thứ 3 Việt Nam (sau Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng), dân số thành thị là 575.939 người(chiếm tỉ lệ 50,3%). Quảng Ninh thuộc diện tỉnh có số dân trung bình trong cả nước. Tỷ lệ tăng dân số bình quân từ năm 1999 đến 2009 là 1,3% (trung bình cả nước là 1,2%).

Quảng Ninh là một trọng điểm kinh tế, một đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đồng thời là một trong bốn trung tâm du lịch lớn của Việt Nam với di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long đã hai lần được UNESCO công nhận về giá trị thẩm mỹ và địa chất, địa mạo. Quảng Ninh có 3 Khu kinh tế: Vân Đồn, trung tâm thương mại Hạ Long và Móng Cái là đầu mối giao thương giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc và các nước trong khu vực.

Quảng Ninh hội tụ những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là một tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản,(Về trữ lượng than trên toàn Việt Nam thì riêng Quảng Ninh đã chiếm tới 90%.) nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư, nguyên liệu cho các ngành sản xuất trong nước và xuất khẩu, đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế, tăng trưởng GDP của tỉnh Quảng Ninh. Quảng Ninh với di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long 2 lần được Tổ chức UNESCO tôn vinh. Với di tích văn hóa Yên Tử, bãi cọc Bạch Đằng, Đền Cửa Ông, Đình Quan Lạn, Đình Trà Cổ, núi Bài Thơ... thuận lợi cho phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch thể thao, du lịch văn hóa tâm linh. Quảng Ninh được xác định là 1 điểm của vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, là cửa ngõ quan trọng của hành lang kinh tế Nam Ninh-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh. Có hệ thống cảng biển, cảng nước sâu có năng lực bốc xếp cho tàu hàng vạn tấn,... tạo ra nhiều thuận lợi cho ngành vận tải đường biển giữa nước ta với các nước trên thế giới. Quảng Ninh có hệ

thống cửa khẩu phân bố trên dọc tuyến biên giới, đặc biệt cửa khẩu quốc tế Móng Cái là nơi hội tụ giao lưu thương mại, du lịch, dịch vụ và thu hút các nhà đầu tư; Là cửa ngõ giao dịch xuất nhập khẩu với Trung Quốc và các nước trong khu vực.

Quảng Ninh xếp thứ 5 cả nước về thu ngân sách nhà nước (2010). Năm 2010 GDP đầu người ước đạt 1500 USD/năm. (Hạ Long 2882 USD/năm, Móng Cái 2580 USD/năm, Cẩm Phả vượt 2000 USD/năm). 2009 lương bình quân của lao động trên địa bàn tỉnh ước đạt gần 4 triệu đồng. Công nhân mỏ ước đạt trên 5.3triệu. Quảng Ninh phấn đấu 2010 tốc độ tăng trưởng đạt 11%.

Tuy nhiên Quảng Ninh là tỉnh mà hoạt động kinh tế ngầm, buôn lậu, đặc biệt là than thô phi pháp trái phép diễn ra ngang nhiên dù chính quyền địa phương đã có nhiều hình thức ngăn chặn và dẫn đến tình trạng lạm phát giá tiêu dùng tại đây rất cao cùng bất bình đẳng thu nhập.

1.1.2 Khái quát về huyện đảo Vân Đồn.

Vân Đồn là một quần đảo vòng quanh phía Đông và Đông Bắc vịnh Bái Tử Long, nhưng lại nằm ở phía Đông và Đông Nam của tỉnh Quảng Ninh. Nó gồm 600 hòn đảo lớn nhỏ. Đảo lớn nhất Cái Bàu, diện tích chiếm khoảng non nửa diện tích đất đai của huyện, trước có tên là Kế Bào, ở phía Tây Bắc huyện nằm kề cận đất liền lục địa, cách đất liền bởi lạch biển Cửa Ông và sông Voi Lớn. Trong địa phận xã Vạn Yên còn có đảo Chàng Ngo cũng tương đối lớn. Huyện lỵ là thị trấn Cái Rồng, nằm trên đảo Cái Bàu, cách thành phố Hạ Long khoảng 50 km, cách Cửa Ông 7 km (theo đường 31 qua cầu **Vân Đồn** và bến phà Tài Xá). Tuyến đảo Vân Hải, nằm ở rìa phía Đông Nam của huyện, gồm các đảo lớn như: Trà Bàn, Cao Lô, Quan Lạn, Đông Chén, Thề Vàng, Ngọc Vũng, Cảnh Tước, ... và một loạt các đảo nhỏ khác, thành bức bình phong che chắn ngoài khơi vịnh Bái Tử Long. Diện tích đất đai xã Bản Sen chiếm nửa già diện của đảo Trà Bàn, đảo lớn thứ hai trong huyện, cùng với đảo Đông Chén và các đảo nhỏ lân cận.

Huyện Vân Đồn có diện tích tự nhiên 551,3 km². Lượng mưa bình quân hàng năm ở đây khoảng trên 2000 mm/năm. Dân số huyện Vân Đồn vào khoảng 45.000

dân, trong đó: người Kinh chiếm 86%, người Sán Dìu 10%, người Hoa 1,5%, người Dao 1,3%, người Sán Chỉ, người Tày, ...

Con người đã có mặt trên các đảo của huyện Vân Đồn từ rất sớm. Di chỉ khảo cổ ở đây có mật độ đậm đặc. Hang Soi Nhụ là một di chỉ thuộc trung kỳ đồ đá mới, trước cả văn hóa Hạ Long. Tại thôn Đá Bạc xã Minh Châu có di chỉ mộ cổ thời Hán. Tên Vân Đồn có nguồn gốc từ tên núi Vân (núi có mây phủ) ở làng Vân (nay thuộc xã Quan Lạn) nằm trong tuyến đảo ngoài Vân Hải. Do ở cửa ngõ của vùng quần đảo hiểm yếu nên, theo sử sách, năm 980 ở đây đã có đồn Vân, trấn giữ vùng biển Đông Bắc, của quân đội nhà Tiền Lê. Năm 1149 vua Lý Anh Tông của nhà Lý chính thức lập trang Vân Đồn, đồng thời Vân Đồn thành thương cảng đầu tiên của Đại Việt, trong giao thương với các nước trong khu vực Đông Á và Thế giới như: Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, ... Thương cảng Vân Đồn thịnh vượng suốt 3 triều đại là: Lý - Trần - Hậu Lê (Lê sơ) rồi suy thái và bị lãng quên vào thời nhà Mạc. Di tích Thương cảng Vân Đồn lại vừa chứa đựng dấu ấn của nhà Trần về chiến công chống ngoại xâm lại vừa có dấu ấn về giao thương, buôn bán. Trận Vân Đồn năm 1288 trên dòng sông Mang (Quan Lạn) gắn liền với tên tuổi của danh tướng Trần Khánh Dư, dưới sự chỉ huy của ông, quân dân nhà Trần đã đánh tan đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ, góp phần quan trọng vào chiến thắng chung của trận Bạch Đằng năm 1288. Sau khi Thương cảng Vân Đồn được hình thành từ thời Lý (1149), đến thời Trần đã phát triển tới hưng thịnh. Các bến thuyền cổ trung chuyển hàng hoá gồm hương liệu, gốm sứ, lâm thổ sản hình thành dọc ven sông Bạch Đằng, Cửa Lục cho tới các đảo Cống Đông, Quan Lạn. Tại đảo Cống Đông (nay là xã Thắng Lợi), các nhà khảo cổ đã tìm thấy dấu tích của nhiều công trình kiến trúc Phật giáo quy mô thời Trần như chùa, tháp, nhiều di vật bia đá, lan can, chân kê cột... Đây là những minh chứng rõ nhất cho sự phát triển phồn thịnh về thương mại dưới triều nhà Trần.

Trong quá trình lịch sử thì Vân Đồn đã nhiều lần thay tên và có lúc là huyện, lúc là châu... Đến tháng 12 năm 1948 thì chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định thành lập huyện Cẩm Phả (được tách ra khỏi thị xã Cẩm Phả). Đến

ngày 23 tháng 3 năm 1994 huyện Cẩm Phả được chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đổi tên là huyện Vân Đồn ngày nay.

Không chỉ được biết đến là một địa điểm du lịch biển, đảo đặc sắc với hơn 600 hòn đảo lớn nhỏ và những danh lam thắng cảnh kỳ thú, huyện đảo Vân Đồn còn được nhiều du khách thích thú đến tìm hiểu về du lịch văn hóa tâm linh với những dấu ấn của một thương cảng sầm uất bậc nhất một thời, hay những đền thờ các vị tướng tài của dân tộc.

1.2. Tài nguyên du lịch của Vân Đồn.

1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.

1.2.1.1 Địa hình

Vân Đồn là huyện đảo ôm trọn vịnh Bái Tử Long - một quần thể biển đảo mà vẻ kỳ thú, giá trị địa chất, địa mạo, tính đa dạng sinh học không hề thua kém Hạ Long vốn lừng lẫy xưa nay. Nó gồm 600 hòn đảo lớn nhỏ. Các đảo đều có địa hình núi đá vôi, thường chỉ cao 200 ÷ 300 m so với mặt biển, có nhiều hang động Karst. Cũng giống như tất cả các đảo trong vịnh Bắc Bộ các đảo của huyện Vân Đồn vốn trước kia là các đỉnh núi của phần thềm lục địa, ở vị trí Tây Bắc vịnh Bắc bộ, phần kéo dài của dãy núi Đông Triều. Sau thời kỳ biển tiến, hình thành vịnh Bắc Bộ, các đỉnh núi này còn sót lại, nằm nổi trên mặt biển thành các đảo độc lập thuộc hai vùng của vịnh Bắc Bộ là vịnh Bái Tử Long và vịnh Hạ Long. Các đảo thuộc huyện Vân Đồn chỉ là một phần trong quần đảo Tây Bắc vịnh Bắc Bộ. Các ngọn núi trên các đảo của huyện tiêu biểu có:

- Núi Nàng Tiên, ở đảo Trà Bản, trên địa phận xã Bản Sen, cao 450 m;
- Núi Vạn Hoa ở đảo Cái Bâu cao 397 m.

Do địa hình là quần đảo chủ yếu là các đảo nhỏ, lại là núi đá vôi, nên trong toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện, diện tích đất liền không lớn, chủ yếu là diện tích mặt biển. Huyện đảo Vân Đồn có 68% diện tích đất tự nhiên trên các đảo là rừng và đất rừng. Trên các đảo không có sông ngòi lớn mà chỉ có vài con suối trên những đảo lớn. Người dân địa phương thường gọi các eo biển giữa các đảo với nhau và với đất liền là sông như: sông Voi Lớn nằm giữa đảo Cái Bâu với đất liền,

sông Mang ở đảo Quan Lạn. Trên địa bàn huyện có hai hồ nhỏ là hồ Vòng Tre và hồ Mắt Rồng.

1.2.1.2. Khí hậu.

Mang nét đặc trưng của nền khí hậu đại dương nên Vân Đồn có khí hậu mát mẻ trong lành, không gian yên tĩnh. Ảnh hưởng bởi hoàn lưu gió mùa Đông Nam Á nên khí hậu bị phân hoá thành hai mùa: mùa hạ nóng ẩm với mùa mưa, mùa đông lạnh với mùa khô.

Về nhiệt độ: được xác định có mùa đông lạnh, nhiệt độ không khí trung bình ổn định dưới 20°C. Mùa nóng có nhiệt độ trung bình ổn định trên 25°C. Lượng mưa bình quân hàng năm ở đây khoảng trên 2000 mm/năm. Theo số liệu quan trắc, mùa lạnh bắt đầu từ hạ tuần tháng 11 và kết thúc vào cuối tháng 3 năm sau, mùa nóng bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào đầu tháng 10.

Mùa ít mưa bắt đầu từ tháng 11 cho đến tháng 4 năm sau, mùa mưa nhiều bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào đầu tháng 10.

Giữa hai mùa lạnh và mùa nóng, hai mùa khô và mùa mưa là hai thời kỳ chuyển tiếp khí hậu, mỗi thời kỳ khoảng một tháng (tháng 4 và tháng 10).

Chính vì vậy, mà mùa du lịch của huyện thường rơi vào khoảng cuối tháng 4 đến giữa tháng 8, thích hợp với loại hình du lịch nghỉ ngơi, tắm biển, thể thao dưới nước kết hợp tham quan.

1.2.1.3. Tài nguyên sinh vật – Vườn Quốc gia Bái Tử Long.

Nói đến nguồn tài nguyên sinh vật của huyện Vân Đồn không thể không nhắc đến Vườn Quốc Gia Bái Tử Long với nhiều giá trị đặc sắc.

Vườn quốc gia Bái Tử Long nằm trên địa bàn huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, được thành lập ngày 01/06/2001 theo Quyết định số 85/2001/QĐ-TTg, trên cơ sở mở rộng và chuyển hạng từ Khu bảo tồn thiên nhiên Ba Mùn. Đây là một trong bảy vườn quốc gia của Việt Nam vừa có diện tích trên cạn vừa có diện tích biển. Đây là nơi còn lưu giữ được nhiều mẫu gene động thực vật quý hiếm, nhiều loài đã được ghi vào trong sách đỏ. Một số loài cây, con một thời được coi là biến mất nay lại thấy xuất hiện trở lại.

VQG Bái Tử Long có hệ thực vật khá phong phú và đa dạng. Hệ thực vật ở đây bao gồm 780 loài, 468 chi, 135 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó ngành Mộc lan (Magnoliphyta) chiếm đa số với 729 loài, 438 chi, 114 họ. Ngành Dương xỉ (Podipidiophyta) với 16 họ, 24chi, 45 loài. Hai ngành ít loài nhất là Lá thông (Psiliophyta) và ngành Thông đất (Lycopodiophyta), mỗi ngành chỉ gặp mỗi một họ, 1 chi, 1loài. Ngành thông (Polyphyta) có 3 họ 4 chi 4 loài. Còn ngành Thấp bút (Equisetophyta) chưa gặp đại diện nào trong khu vực VQG Bái Tử Long.

Trong tổng số 135 họ thực vật có ở Vườn, số loài gặp trong mỗi họ có khác nhau. Có 31 họ mới gặp 1loài, 32 họ có 3-4 loài, 28 họ có 5-9 loài và 24 họ có trên 10 loài. Hai họ có số lượng trên 40 loài là Rubiaceae(47loài) và Euphorbiaceae(41 loài). Đây cũng là những họ có số chi và loài đa dạng nhất trong hệ thực vật Việt Nam. Có 18 chi có số loài nhiều hơn, 5 trong đó 2 chi Ficus (18 loài), Symplocos (11loài) có số loài lớn nhất.

VQG Bái Tử Long có 21 loài thực vật quý hiếm được ghi nhận trong sách đỏ Việt Nam (1996) và 10 loài có tên trong các phụ lục IA, IIA của Nghị định 32/2006/CP-NĐ của Chính phủ quy định danh sách các loài động thực vật quý hiếm cần bảo vệ.

Nguồn tài nguyên cây có ích bao gồm: 431 loài cây thuốc ,126 loài cây cho gỗ, 44 loài cây cho quả và hạt ăn được, 33 loài cây làm rau ăn ,27 loài cây cho tinh dầu và dầu béo , 14 loài cây làm thức ăn cho gia súc.

Hơn nữa, nơi đây cũng là nơi cư trú của nhiều loài động vật hoang dã trên đảo cụ thể như sau:

- + Lớp thú có 24 loài thuộc 13 họ, 6 bộ.
- + Lớp chim có 71 loài thuộc 28 họ, 9 bộ
- + Lớp lưỡng cư có 15 loài thuộc 1 họ, 1 bộ.
- + Lớp bò sát có 33 loài thuộc 12 họ, 2 bộ.
- + Côn trùng bộ Cánh phấn (Lepidoptera) có 120 loài, thuộc 8 họ.

Nằm trong danh sách được đưa vào sách đỏ về động vật rừng có: Bò câu nâu, Báo gấm (*Neofelis nebulosa*), Báo lửa, Sơn dương (*Capricornis sumatraensis*), Rùa hộp ba vạch (*Cuora trifasciata*), Tắc kè (*Gekko gekko*), Kỳ đà hoa (*Varanus salvator*), Trăn đất (*Python molurus*), Rắn ráo thường (*Ptyas korros*), rắn cạp nong (*Bungaus fasciatus*), rắn Hổ mang (*Naja naja*), rắn Hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*)...

Ngoài ra, Vườn Quốc gia Bái Tử Long còn nổi tiếng với Hệ sinh thái thung áng trong núi đá vôi, được hình thành trong các thung lũng đá vôi, có nước biển xâm thực, điển hình như thung áng Cái Đé. Nước trong thung chỉ lưu thông với vùng biển bên ngoài qua những khe rãnh nhỏ hoặc các hang ngầm. Vì vậy tại đây còn tồn tại nhiều loài sinh vật được hình thành từ xa xưa, và do đó hệ sinh thái này được coi như bảo tàng sống thể hiện lịch sử tiến hóa của sinh vật. Hệ sinh thái thung áng không những là nhân tố hợp thành giá trị đa dạng sinh học, mà còn góp phần tạo nên các giá trị cảnh quan phong phú và hấp dẫn của Vườn quốc gia Bái Tử Long.

1.2.1.4. Khu du lịch sinh thái Bái Tử Long.

Trải dài trên diện tích 100 ha với thế mạnh 10 km bờ biển, Khu Du lịch sinh thái ATI - Bái Tử Long là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống Á Đông và phong cách hiện đại Phương Tây.

Hệ thống nhà sàn khép kín được bố trí sát biển tạo cho du khách cảm giác gần gũi với thiên nhiên, xoá nhoà ranh giới giữa cuộc sống hiện đại ồn ào, náo nhiệt để hoà mình vào biển cả mênh mông. Khu nhà biệt thự với những trang thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế sẽ thích hợp với quý khách có nhu cầu nghỉ dưỡng, tham quan kết hợp du lịch, hội nghị, hội thảo....

Đến với Khu Du lịch ATI - Bái Tử Long, du khách có cơ hội thưởng thức những món ăn truyền thống Á - Âu, những đặc sản chỉ có duy nhất ở vùng biển nhiệt đới với sự chế biến của các đầu bếp tài ba trong một nhà hàng sang trọng với sức chứa từ 50 – 200 thực khách. Ngoài ra, còn có hệ thống quầy bar sang trọng, thoáng mát phục vụ 24/24h với nhiều loại đồ uống đa dạng đặc sắc.

Nếu bạn là người ưa hoạt động thì khu vui chơi giải trí với các loại hình độc đáo như các chương trình văn nghệ dân tộc, các trò chơi thể thao, các dịch vụ bãi biển(thuyền yacht, kayaking..), dịch vụ tàu ca nô cao tốc hay đốt lửa trại hấp dẫn sẽ tạo cho kỳ nghỉ của bạn những ấn tượng thực sự khó quên.

Và nếu bạn muốn thoả mãn trí tưởng tượng bay bổng và mong ước khám phá tận cùng những kỳ thú của thiên nhiên, những chiếc cano của ATI sẽ đưa bạn tới những hòn đảo nguyên sơ với những câu chuyện đậm màu huyền thoại. Phút ghé thăm làng nghề truyền thống ven biển sẽ góp phần làm nên ý nghĩa cho cuộc hành trình thú vị.

Khu Du lịch sinh thái ATI - Bái Tử Long sẽ thực sự trở thành điểm dừng chân lý thú trong hành trình khám phá thiên nhiên của bạn.

1.2.1.5. Quan Lạn – Vùng biển đảo huyền thoại.

Nằm trong quần thể đảo lớn trên Vịnh Bái Tử Long thơ mộng , Đảo Quan Lạn rộng 115km² với chiều dài 25km. Cả đảo chỉ có 1.000 nóc nhà với 7.000 dân. Đây là một vùng đất hội tụ đầy đủ những giá trị về cảnh quan thiên nhiên và giá trị lịch sử truyền thống lâu đời. Đến nơi đây, bạn sẽ được tìm hiểu phong tục tập quán lâu đời của cư dân vùng biển đảo, được thăm những ngôi đình cổ kính thâm nghiêm, thăm thương cảng Vân Đồn – thương cảng cổ có từ thời Lý và đặc biệt được thưởng thức những món hải sản tươi sống như Sá Sùng, Bào Ngư, Ngán, Sứa xanh, rong biển ... mà chỉ Quan Lạn mới có.

Nắng thì vàng rực rỡ, gió biển mát rượi, còn biển thì xanh đến vô bờ... còn gì sung sướng bằng được đắm mình trong làn nước biển trong xanh có thể nhìn thấy đáy, thấy cát trắng dưới chân êm ái như nhung... Sóng biển ở đây không ồn ào, dữ dội mà chỉ đủ để bạn cảm nhận về biển, để bạn được cùng đùa giỡn với sóng, với gió cho đến khi mệt nhoài, ngã mình trên dải cát trắng tinh khôi, thấy biết bao nhiều ưu phiền của cuộc sống thường ngày bỗng chốc tan biến, tâm hồn nhẹ lâng lâng...

Đến với Quan Lạn là đến với bãi biển Minh Châu – viên ngọc tỏa sáng, bãi cát phẳng mịn, trắng muốt, đi không dính chân. Được sống trong một không gian yên

bình mà không phải nơi đâu người ta cũng tìm thấy. Bởi người Quan Lạn nghèo nhưng sống hiền hoà, đùm bọc, cứu mang nhau, mang tiếng là sống cùng gió biển, nhưng chẳng bao giờ thấy họ nói to hay xích mích. Nhà nhà sống bằng nghề đi biển, bắt được mớ tôm, mớ cá thường đem biếu hàng xóm tắt lửa tối đèn. Từ ngày du lịch “manh nha” phát triển, nhà nghỉ sinh thái, khách sạn mini đặt mua hải sản, người Quan Lạn mới biết đến từ “mua bán”. ở Quan Lạn chưa có điện lưới Quốc gia, nguồn điện sinh hoạt chủ yếu chạy bằng máy phát điện chạy dầu diesel, cứ vài nhà lại chung tiền mua một máy phát điện, hàng tháng chung tiền dầu. Chẳng thế mà hải sản ở Quan Lạn không có đồ đông lạnh, lúc nào cũng tươi roi rói. Phương tiện đi lại trên đảo chủ yếu là xe máy và xe túc túc, bạn sẽ thực sự thích thú với chiếc xe túc túc khi cả đoàn làm vài vòng dạo chơi khắp đảo, hoà mình vào cuộc sống nơi đây!

Đến Quan Lạn, bạn đừng quên đến Khu du lịch sinh thái Vân Hải – khu nghỉ dưỡng đẹp nhất trên hòn đảo này. Vân Hải có dải cát trắng thuỷ tinh chạy dài 3km bên bãi tắm Sơn Hào. Khu nghỉ dưỡng này có tới 8 biệt thự và 5 nhà sàn nằm dưới cánh rừng phi lao cỏ thụ rợp bóng hướng ra biển. Bãi Sơn Hào ở Quan Lạn được coi là Đệ nhất bãi tắm với bờ biển thoải thoải, nước xanh trong vắt. ở bãi tắm này, bạn có thể tham gia cá hoạt động thể thao bãi biển như bóng đá, bóng chuyền, kéo co, trượt trên đồi cát trắng...

Bạn sẽ được đặt chân lên cánh rừng trâm còn nguyên dấu cổ xưa để đến Đệ nhị bãi tắm trên đảo Quan Lạn - bãi biển Minh Châu và đi thăm những bãi cát trắng bạt ngàn của vùng Vân Hải vốn nổi tiếng từ thời Pháp thuộc, nay được sàng tuyển để làm nguyên liệu chính cho ngành công nghiệp thủy tinh, pha lê và cơ khí chế tạo máy.

Bạn có thể dạo biển khi hoàng hôn xuống, đi soi tôm, cá, cua ... với ngư dân trên đảo, hoặc cùng ngư dân đảo Quan Lạn hoà chung tiếng hát trong đêm giao lưu lửa trại tại bãi biển trong suốt đêm thâu, thưởng thức đặc sản dê đảo, bê đảo nướng, nhâm nhi bầu rượu “ngán” để tạm quên đi những lo âu bận về cuộc sống mưu sinh, để hoà mình vào thiên nhiên và cảnh vật bên bờ biển Thái Bình Dương

thơ mộng, để rồi chợt giật mình với lạnh lốt tiếng chim chào buổi sáng và ngắm cảnh bình minh từ mặt biển...

Trong hành trình đến Quan Lạn, bạn sẽ có những buổi tối lãng mạn thả hồn thư thái chiêm ngưỡng ánh trăng lung linh trên mặt biển, hay lắng nghe sóng hát, tận hưởng hương rừng hoặc dạo chơi trên những con đường mềm mại, len lỏi giữa bạt ngàn phi lao vi vu trong gió.

Quan Lạn – Vùng biển đảo huyền thoại không thể chối từ!

1.2.2. Tài nguyên nhân văn.

1.2.2.1. Di tích lịch sử văn hóa.

1.2.2.1.1. Đền Cặp Tiên.

Đền Cặp Tiên (hay còn gọi là đền Cô bé Cửa suốt) là công trình tín ngưỡng dân gian hình thành từ thời Nguyễn, tọa lạc trên sườn núi tiên thuộc địa phận thôn Cặp Tiên, xã Đông Xá, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 18/8/2006 đền được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số: 2423/QĐ-UBND công nhận là “Di tích kiến trúc nghệ thuật và Danh thắng đền Cặp Tiên”.

Tương truyền đền Cặp Tiên thờ vị tiểu thư là con Trần Quốc Tảng nên có tên gọi là “Đền Cô bé cửa suốt”. Sau này, vào thời Nguyễn một ông quan chánh đã được nhân dân địa phương tôn làm hậu thân và thờ tại đền nên tên gọi là đền Quán Chánh. Sở dĩ đền có cái tên là “Cặp Tiên” như ngày nay là vì có cảnh đẹp sơn thủy hữu tình, xưa kia đây là nơi có hai vị Tiên ông thường xuống ngắm cảnh và chơi cờ, đi theo phục vụ là hai nàng tiên cô rất xinh đẹp, hai nàng tiên thường xuống giếng ở chân núi lấy nước về đun pha trà cho các tiên ông.

Hiện nay khu vực đền Cặp Tiên gồm có ba công trình: Đền chính, Giếng Tiên và động Sơn Trang.

* Đền chính quay hướng Đông Bắc, kiến trúc chữ Đinh, gồm bái đường và hậu cung với tổng diện tích là 102m². Kiến trúc vì kèo ở bái đường theo kiểu chồng rường con nhị, cột cửa được làm bằng gỗ táu, trên các vì có treo các hoành phi, ở các cột có treo các câu đối, sân đền xây dựng phương đình, mái lợp ngói mũi hài,

hai tầng tám mái, điểm mái ghép ngói lá đề, trong phương đình đặt bát hương công đồng lớn bằng đồng.

* Động Sơn Trang(căn cứ vào đồ thờ tự thì đây là nơi thờ mẫu theo tín ngưỡng dân gian) được chia làm hai phần như kiến trúc của đền. Phía ngoài bằng phẳng là nơi hành lễ, còn phía trong được đắp thành các dãy núi đá và đặt các pho tượng, phía trên bức tường ngăn giữa nơi làm lễ và động thờ treo bức hoành phi cuốn thư gồm bốn đại tự bằng chữ Hán “Công đồng sơn trang” . Tượng thờ bài trí khắp không gian hậu cung trong động, gồm tượng Mẫu Đệ Nhị Thượng Ngàn, tượng nhị vị vương bà và 12 cô Sơn trang, hai bên pho tượng cậu. Chính giữa động là bức hoành phi được tạo hình kiểu cuốn thư đề bốn chữ “Nữ động sơn trang” .

* Giếng tiên trong khuôn viên của đền, đây là một giếng nước ngọt nằm ngay bên bờ biển, khi nước triều lên dù giếng có bị ngập thì ngay khi triều xuống nước lại ngọt trở lại, quanh năm giếng không bao giờ hết nước. Giếng tiên còn liên quan đến câu truyện truyền thuyết về hai vị tiên ông đã xuống đây chơi cờ và hai nàng tiên nữ .

Hàng năm, du khách thường đến đây để cầu an vào dịp đầu xuân, tìm lại được khoảnh khắc thanh tịnh trong chốn đô thị ồn ào.

1.2.2.1.2. Đền thờ vua Lý Anh Tông và Động Đông Trong.

Nằm ngay ở cầu cảng, thị trấn Cái Rồng là Di tích lịch sử Đền thờ vua Lý Anh Tông. Mặc dù về kiến trúc còn đơn sơ và chưa thật sự điển hình nhưng nơi đây mang những giá trị văn hóa sâu sắc. Đền thờ một vị hoàng đế chính thức khai sinh ra trang Vân Đồn ở thế kỷ XII – tiên nhân huyện đảo Vân Đồn ngày nay, đích thân vi hành xem sự thiếu đủ, đói khổ của dân, trực tiếp xuống dân và ra đảo "ghi chép phong vật", lại cũng chính tay hoàng đế đã ghi chép bản đồ tổ quốc. Thiết nghĩ mỗi bước chân Vua Lý Anh Tông trên Hải đảo Đông Bắc đều cần cắm biển chữ vàng ghi lại sự tích. Chính vì thế, nơi đây chính là biểu trưng truyền thống “ uống nước nhớ nguồn” của nhân dân huyện đảo này.

Cách đó không xa, nếu đi đò máy chỉ mất khoảng từ 3-5 phút là du khách đã đặt chân lên hòn đảo Đông Trong, một trong những hòn đảo đẹp thuộc Vịnh Bái Tử

Long. Toàn bộ đảo Đông Trong là núi đá nhô lên từ đáy biển. Xung quanh đảo là các doi cát tự nhiên và nhân tạo. Đứng ở cầu cảng nhìn ra, đảo Đông Trong giống như hình một con sư tử phục vị, dáng vẻ oai phong, hoành tráng, án ngữ trước cảng. Hòn đảo Đông Trong được xác định là có diện tích khu vực bảo vệ 5 ha, trong đó phần núi đá và doi cát nổi là 2,4 ha, phần bề mặt biển xung quanh đảo là 2,6 ha.

Nét đặc biệt của đảo là có hang động trong núi (Vọng Hải đài Sơn động) chạy suốt dọc từ phía tây nam sang đông bắc, dài 130m và chia làm nhiều ngách, gồm 3 cửa động chính: Cửa động phía đông là cửa động rộng nhất. Từ doi cát nổi tự nhiên, Công ty TNHH Vân Tiến đã xây kè đá và tôn cát, tạo thành bãi cát nổi có diện tích lớn, khoảng không gian rộng và được trồng nhiều cây cảnh. Theo đường đá ven núi, du khách có thể lên cửa động; đường đi thông thoáng, không dốc, thoải mái và an toàn...

Cửa động phía nam không lớn, bắt đầu từ doi cát rộng khoảng hơn 100m², men theo vách đá có đường hẹp dẫn vào động. Cửa động phía tây là cửa động đón khách từ cảng ra đảo vào. Ở đây, hang động có độ rộng trung bình là 1,6m, có chỗ rộng tới 3m nhưng nhiều chỗ chỉ vừa chui lọt người. Chiều cao của động từ 2,4 - 3,5m. Mặt nền rộng, phẳng, đi lại rất dễ dàng. Động ở phía bắc có độ cao dốc, hơi khó đi. Hai bên thành động, nhũ đá buông rủ xuống tầng tầng, lớp lớp như màn đá. Những lớp nhũ đá tạo ra muôn hình phong phú, sinh động.

Khi bước vào cửa động phía đông, du khách bắt gặp một không gian hoành tráng, chiều rộng và chiều cao của động, mỗi chiều khoảng hơn 30m. Đỉnh vòm cao rộng, bốn mặt thành vách động có nhiều thạch nhũ buông rủ xuống tạo thành nhiều hình ảnh kỳ thú, màu sắc huyền ảo, lung linh thu hút khách tham quan. Đây là một không gian rộng như một sảnh lớn. Từ đây tiến lên phía bắc chia thành hai tầng hang động.

Phía trên hang động có hai thành vách đá, những khối đá, thạch nhũ buông rủ tạo thành nhiều hình kỳ thú, có chỗ giống như hình con rùa mẹ đang bơi, có chỗ lại giống hình người mẹ bế con, hay hình ông cụ già râu tóc bạc trắng, rồi tựa tựa như

Tôn Ngô Không múa gậy bay lượn trong không trung v.v... Ấn tượng hơn cả là hình những chiếc khánh đá buông xuống dựng đứng, du khách gõ vào tạo ra âm thanh vang rền trong động. Càng tiến lên phía bắc, du khách gặp càng nhiều ngách đi về nhiều phía, đường nhỏ hẹp khó đi và nối thông nhau...

Điều đặc biệt hơn cả là hiện nay qua các lần thăm dò và khai quật tại di tích Động Đông Trong có phát hiện thấy dấu tích khảo cổ của nền Văn hoá Hạ Long cách ngày nay khoảng 4000 năm (có nhiều hiện vật đặc trưng như công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt, đồ trang sức ...), qua kết quả nghiên cứu cho thấy di tích Động Đông Trong vừa là nơi cư trú, vừa là nơi mộ táng. Căn cứ vào các di tích còn để lại ở tầng văn hoá có thể thấy rằng Người cổ Động Đông Trong đã duy trì nền kinh tế hỗn hợp giữa kinh tế biển và kinh tế săn bắt, hái lượm ở dải đất ven bờ, là cơ sở để phát triển loại hình du lịch nghiên cứu khảo cổ.

Di tích lịch sử và danh thắng Đền Lý Anh Tông và Động Đông Trong có giá trị rất cao về lịch sử và văn hoá cho nên được công nhận là di tích cấp tỉnh theo quyết định 4426/QĐ - UBND ngày 28/11/2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh./.

1.2.2.1.3. Cụm kiến trúc nghệ thuật Quan Lạn.

Quan Lạn không chỉ biết là một hòn đảo có phong cảnh nên thơ, hữu tình mà còn là một nơi tập trung một hệ thống kiến trúc Tín ngưỡng- Tôn giáo rất phong phú, gồm 4 loại hình, với những kiến trúc và mục đích rất khác nhau, đó là hệ thống Đình – Chùa – Miếu – Nghè.

- *Đình Quan Lạn:*

Đình Quan Lạn là điểm tham quan không thể thiếu trên hòn đảo nhỏ xinh xắn này. Có xuất xứ từ ngôi đình được xây dựng ở thương cảng cổ Cái Làng dưới thời hậu Lê (khoảng thế kỷ 17), đình Quan Lạn là một trong hai ngôi đình cổ nhất ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay và là ngôi đình duy nhất ở VN thờ vua Lý Anh Tông - người đã có công lập ra thương cảng Vân Đồn năm 1149.

Thời nhà Nguyễn, đình được di chuyển về Quan Lạn, được trùng tu nhiều lần để thờ thành hoàng làng, các vị tiên công đã có công lập ra xã Quan Lạn và thờ tướng Trần Khánh Dư - người trấn ải Vân Đồn đã tổ chức trận chiến đầu tại sông

Mang - Vân Đồn, tiêu diệt 500 chiếc thuyền lương, diệt tướng giặc Nguyên là Trương Văn Hổ.

Hiện ngôi đình tọa lạc trên khu đất rộng ngay trung tâm đảo trong vị trí "tiền tam thái, hậu ngũ nhạc". Đình nhìn ra vịnh Vân Đồn, trước mặt có đảo Phượng Hoàng và đảo Ngọc làm bình phong, xa trông là dãy núi Ba Sao với các ngọn Sao Trong, Sao Ngoài và Sao Ổn. Lưng đình tựa thế năm ngọn núi cao bề thế có hình ngũ nhạc.

Đình Quan Lạn có kết cấu mặt bằng hình chữ "công" gồm năm gian, hai chái, ba gian ống muống và một gian hai chái hậu phía sau. Một nét đặc sắc nữa của ngôi đình là được làm bằng gỗ mần lái - loài cây chỉ có trên đảo đá Ba Mùn (gần thương cảng Cái Làng). Trải qua mấy trăm năm, những cây cột gỗ mần lái vẫn còn nguyên vẹn và không hề bị mối mọt. Du khách đặc biệt ấn tượng với những cây cột cái cao 5,2m có đường kính 70cm.

Mặc dù được dựng thời hậu Lê nhưng đình mang kiến trúc thời Lý. Nghệ thuật chạm khắc tỉ mỉ, công phu, hình thức chọn phong phú, đường nét tinh tế và chau chuốt. Hình ảnh con rồng được tái hiện nhiều và sinh động như rồng châu mặt nguyệt, rồng ngậm chữ Thọ, rồng cuốn nước, cúc hóa rồng... Bên cạnh đó là hình ảnh con ngài tằm, con tôm thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn bởi mảnh đất này vốn rất thịnh vượng với nghề trồng dâu nuôi tằm và đánh bắt hải sản.

Cho đến giờ người ta vẫn không biết xưa kia các nghệ nhân đã dùng chất liệu sơn gì trên các cột gỗ mà đến nay màu sắc vẫn còn là nguyên bản...

Đình Quan Lạn thờ Thành Hoàng Làng, các vị tiên công có công lập ấp dựng làng, sau đó thờ Trần Khánh Dư, vị tướng đã có công lớn trong trận đánh đoàn thuyền lương giặc Nguyên – Mông và rất gắn bó với vùng đảo này. Tượng Trần Khánh Dư là pho tượng lớn nhất trong đình cao 157cm, trong thế ngôi ngài, hai tay đặt trên đùi. Ngoài ra, đình còn thờ cả Dương Khổng Lộ và "tứ vị thánh nương" là những vị thần được truyền tụng thường che chở cho những người đi biển.

* *Chùa Quan Lạn:*

Chùa nằm bên cạnh đình Quan Lạn (hay còn gọi Linh Quang Tự), theo hướng Đông Nam. Chùa có kiến trúc giản dị với 3 gian. Ngoài cùng là tam quan, sau đến bài đường và hậu cung.

Chùa Quan Lạn thờ Phật và công chúa Liễu Hạnh và cụ Hậu. Tương truyền cụ Hậu là một bà lão ở Quan Lạn không chồng con, sinh thời hiền lành, phúc đức, chăm chỉ làm ăn để dành một số tiền của., cụ Hậu đã dâng toàn bộ tài sản của mình cho nhà chùa. Dân làng đã tạc tượng cụ Hậu - là bức tượng dân gian khá đặc sắc còn lưu giữ và thờ trong chùa.

** Nghè Quan Lạn:*

Nghè nằm về phía đông bắc của đảo Quan Lạn trên trục đường chính Quan Lạn đi Minh Châu cách đình khoảng 1,2km. Nghè cũ sau khi bị hỏng đến năm 1986 được xây dựng lại khang trang, dân làng long trọng rước Bài vị, sắc phong đức thánh về an tọa tại nghè. Hàng năm đúng vào ngày 16/6 âm lịch, dân làng làm lễ rước bài vị, sắc phong của ngài từ nghè về đình tổ chức hội chèo bơi truyền thống và ngày 19/6 âm lịch làm lễ xa giá hoàn cung rước bài vị, sắc phong của ngài về nghè.

Nghè và đình Quan Lạn có mối quan hệ gắn bó, mật thiết trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư địa phương. Đám rước từ nghè về đình và hội đua thuyền Quan Lạn là biểu hiện sinh động cho mối quan hệ nói trên.

1.2.2.1.4. Di tích Thương cảng Vân Đồn.

Vân Đồn là cảng ngoại thương đầu tiên ở nước ta.. Quy mô lớn của thương cảng Vân Đồn một thời sầm uất đã được các nhà khảo cổ ghi nhận qua việc phát hiện nhiều bến bãi với đồ gốm và tiền đồng nhiều triều đại, trên suốt một dải đảo từ Cống Đông, Cống Hẹp, Cống Yên, Ngọc Vũng đến Minh Châu, Quan Lạn..... Qua các dấu tích nền nhà cổ thường bắt gặp những hũ sành đựng tiền đồng cổ thuộc các thời đại phong kiến Trung Quốc từ nhà Đường tới nhà Thanh; tiền Việt Nam từ nhà Lý tới nhà Nguyễn. Tại khu cảng cổ còn có một khẩu giếng có tên gọi nôm na là giếng Hiệu, hay còn gọi là giếng Nàng tiên nằm sát bên bờ vụng, quanh

năm đầy nước. Đó là một trong những yếu tố góp phần khẳng định thêm rằng Cái Làng là một bến thuyền buôn cổ của bến thuyền cổ của cảng Vân Đồn.

Nói đến quá trình hưng thịnh của Thương cảng Vân Đồn, sách Đại Việt sử ký toàn thư đã viết: “Kỷ tị năm thứ 10 (đời vua Lý Anh Tông - Tống thiệu hưng đời thứ 19) mùa xuân, tháng hai, thuyền buôn ba nước Trà Oa, Lộ Hạc, Xiêm La vào Hải Đông xin ở lại buôn bán, bèn cho tập trung ở nơi đảo gọi là Vân Đồn để mua bán hàng quý dân hằng sản vật địa phương”.

“Năm Trịnh Phú thứ 9 đời nhà Lý Cao Tông, thương nhân các nước Xiêm La, Tam Phật Tề vào trấn Vân Đồn dâng vật quý xin buôn bán”.

“Năm Thiệu phong thứ 8 đời Trần Dụ Tông (1348), mùa đông, tháng 10 thuyền buôn người nước Chà Bò (Chà Và) đến Hải Trang Vân Đồn ngầm mua ngọc trai”.

“Năm đại trị thứ ba đời Trần Dụ Tông (1360), mùa đông, tháng 10 thuyền buôn của các nước Lộ Hạc, Trà Oa, Xiêm La đến Vân Đồn buôn bán, tiến các vật lạ”.

“Thời Lê Thánh Tông (1667) thuyền buôn của nước Xiêm La đến trang Vân Đồn dâng biểu bằng lá vàng và dâng sản vật địa phương”.

Đồng thời trong cuốn Nguyễn Trãi toàn tập có ghi “khách thương đến buôn bán, lớp này đến lớp khác đem đồ dâng cống”.

Những cứ liệu của sử sách và giới khảo cổ học cho thấy thương cảng Vân Đồn tồn tại hưng thịnh suốt 5 thế kỷ từ thời nhà Lý đến thời nhà Lê, là trung tâm giao thương cảng biển quốc tế ở khu vực đàng ngoài từ thế kỷ XII đến thế kỷ XVII. Với những giá trị to lớn về lịch sử, thương cảng Vân Đồn đã được Bộ Văn hoá và Thông tin (nay là Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch) cấp bằng xếp hạng Di tích lịch sử tại Quyết định số: 59/2003/QĐ-BVHTT ngày 29/10/2003./.

1.2.2.1.5. Chùa Cái Bầu.

Du lịch kết hợp với việc tham quan các đình chùa, nơi sinh hoạt tâm linh là một xu hướng được nhiều người quan tâm. Một địa chỉ mới khá phổ biến trong sở tay của du khách trong dịp đầu xuân năm 2010 là Chùa Cái Bầu ở thôn 1 xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, nằm sát bờ vịnh Bái Tử Long, cách trung tâm thị xã Cái Rồng khoảng 4km về hướng Đông Nam. Chùa Cái Bầu hiệu là Phúc Linh Tự, nằm bên

cạnh đền Cái Bàu, đã được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa. Nằm ở một vị trí tuyệt đẹp ngay trên bờ biển, mặt hướng ra vịnh Bái Tử Long, lưng tựa vào sườn núi. Phía Nam liền kề bãi cát dài là nơi du lịch sinh thái và bãi tắm Việt Mỹ - một điểm du lịch được đánh giá là giàu tiềm năng.

Được sự quan tâm giúp đỡ của chính quyền tỉnh và sở tại, tạo điều kiện thuận lợi cho thiền phái Trúc Lâm trùng tu kiến thiết lại ngôi chùa để hướng dẫn tâm linh và chánh pháp cho nhân dân vùng biển này, tuy được khánh thành chưa được bao lâu vào ngày 29/10 Kỷ Sửu (nhằm ngày 15/12/2009), ngôi chùa đã thu hút khách thập phương từ khắp mọi miền của tổ quốc.

. Chùa được xây dựng trên nền chùa Phúc Linh Tự (có từ thời Trần cách đây trên 700 năm). Ngày 07/12/2007, chùa được khởi công xây dựng trên tổng diện tích 20 ha, với tổng mức đầu tư trên 24 tỷ đồng bằng nguồn vốn huy động xã hội hóa và khánh thành giai đoạn I vào cuối năm 2009. Chùa ở gần khu du lịch Bãi Dài nổi tiếng với vẻ đẹp hoang sơ bên bờ Vịnh Bái Tử Long. Với vị trí lưng tựa núi, mặt hướng ra biển, đây có lẽ là một trong những ngôi chùa có vị trí đẹp nhất trong hệ thống chùa của Việt Nam. Đây còn là Thiền viện Giác Tâm, một trong hai thiền viện phật giáo của Quảng Ninh.

Chùa Cái Bàu – Thiền viện Trúc Lâm Giác là công trình văn hóa tâm linh có kiến trúc và cảnh quan đẹp tọa lạc bên bờ Vịnh Bái Tử Long, nơi gắn liền với bao chiến công hiển hách của những anh hùng hào kiệt đã giữ vững cửa ải địa đầu của vùng Đông Bắc. Đây cũng là nơi còn ghi dấu những chiến công trong cuộc chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược của nhà Trần. Trải qua thời gian và những thăng trầm lịch sử, chùa đã bị hư hỏng nặng. Vào thập kỷ 90 của thế kỷ trước chùa đã được tôn tạo lại nhưng còn đơn sơ, thiếu quy hoạch. Từ năm 2007 chùa đã được quy hoạch đầu tư xây dựng lại khang trang, xứng với những giá trị lịch sử, văn hoá to lớn của nơi đây. Chùa Cái Bàu mang dấu ấn, dấu tích giống các ngôi chùa cổ về cả kiến trúc, trang trí, phù điêu, hoa văn trang trí, bậc thang... Hiện tại Chùa đã hoàn thành các hạng mục: thiền viện - Chánh điện cao 2 tầng rộng 6.000 m², cổng tam quan, nhà tổ, lầu chuông, thất ở hòa thượng, nhà khách chư tăng- chư ni, bên

bãi đỗ xe... Giai đoạn II chùa Cái Bầu sẽ được tiếp tục đầu tư gồm: Thất đường trụ trì, thất chuyên tu, thiền đường, nhà trưng bày trai đường và dựng 1 tượng Phật cao 50 m trên đỉnh núi sau Thiền Viện.

Trụ trì nhà chùa - Ni sư Hạnh Nhã cho biết: “Để giữ gìn sự tôn nghiêm nơi cửa Phật, công tác an ninh trật tự trong khu vực chùa được các tăng ni, phật tử triển khai thực hiện rất tốt. Trong khuôn viên nhà chùa không cho phép bán hàng, không có những hoạt động chèo kéo du khách. Du khách đến chùa muốn dùng cơm chay hay tá túc tại đây sẽ không phải trả tiền. Nhà chùa chỉ đặt hòm công đức để cho du khách tùy tâm công đức. Chính vì thế, khi đặt chân lên chốn cửa Phật này du khách sẽ cảm nhận được sự yên bình, thanh thản, một không khí trong lành và cảnh đẹp làm say đắm lòng người..” Và Chùa Cái Bầu đang dần trở thành một điểm du lịch tâm linh đối với du khách mỗi lần về với Quảng Ninh, về với vùng đất vàng đen của Tổ quốc.

1.2.2.2. Lễ hội truyền thống: Lễ hội Quan Lạn.

Từ xa xưa, người dân Vân Đồn đã có những sinh hoạt văn hóa đặc sắc và đậm nét văn hóa cổ truyền của người dân Bắc Bộ. Hoạt động tiêu biểu nhất chính là lễ hội Quan Lạn - được tổ chức từ ngày 10 tới 20 tháng 6 âm lịch hàng năm. Lễ hội mang sắc thái địa phương độc đáo, đã in đậm vào đời sống của một vùng biển đảo và gắn chặt với đời sống lao động sản xuất, với truyền thống giữ nước của nhân dân ta.

Lệ làng quy định: Ngày 10/6 là ngày khoá làng. Từ ngày này không ai được ra khỏi đảo, chỉ những người đi làm ăn xa và du khách được phép kéo về dự lễ. Ngày 16/6 người dân tổ chức lễ rước thần, kiệu rước từ đình sang nghè thờ Trần Khánh Dư. Tại nghè, lễ cúng được làm một tuần lễ, thời cỗ cúng có xôi nếp, gà luộc cùng các loại cá đặc trưng của vùng hải đảo; sau đó hòm sắc phong được rước về đình đặt lên bàn thờ để tế chung một tuần lễ lớn. Lễ rước sắc phong này nhằm mời đức thánh Trần Khánh Dư về duyệt quân ngày hội. Ngày 17/6, binh khí và tế khí được rước sang miếu Đức Ông (miếu thờ Phạm Công Chính) và tế lễ suốt đêm. Sau lễ rước sắc phong, binh khí và tế khí, làng tổ chức phân hội mang đậm bản sắc của

địa phương. Đầu tiên là nghi lễ diễu binh có hề trò đi trước mở đường, có cồng, thanh la và đội bát âm đi theo, có kiệu xí, kiệu thần, đi tới mỗi xóm lại có thêm nhiều người già trẻ nhập cuộc. Sau, đoàn diễu binh quay về miếu Đức Ông và bắt đầu hội đua thuyền, phần hội sôi động nhất và được chuẩn bị rất công phu. Cuộc đua diễn ra trên dòng sông mang lịch sử (nay là một lạch biển) đoạn chảy qua xã. Trai tráng trong làng (nay là xã) được chia ngẫu nhiên và công bằng thành 2 đội: Đông Nam Văn tượng trưng cho nhóm quan văn và Đai Bắc Võ tượng trưng cho nhóm quan võ, và được tập luyện từ nhiều ngày trước. Cuộc đua diễn ra rất quyết liệt, nhưng phần thắng thường thuộc về Đai Bắc Võ. Mặc dù khí thế và tinh thần thi đấu rất cao và thượng võ, nhưng số trận thắng của Đông Nam Văn chỉ chiếm khoảng 2 /10 qua các năm. Dân làng có niềm tin rằng nếu đội Đai Bắc Võ Thắng thì năm đó làm ăn thuận lợi, mùa màng bội thu, biển nhiều tôm cá và ngược lại. Ngày 19/6, người dân nghỉ ngơi, ôn lại bài học về lịch sử quê hương. Ngày 20/6 diễn ra lễ rước sắc thần trả về nghè Trần Khánh Dư và lễ đóng cửa đình.

Điều đặc biệt của lễ hội này là thời điểm tổ chức lại diễn ra vào mùa hè trong khi các lễ hội khác thì thường diễn ra vào đầu xuân. Sở dĩ có điều này, theo các cao niên trong làng cho biết vì Lễ hội này vừa kỉ niệm chiến thắng giặc Nguyên Mông năm 1288, chiến thắng của Trần Khánh Dư, vừa là ngày hội cầu được mùa của cư dân vùng biển.

Lễ hội là dịp để người dân địa phương tưởng nhớ công ơn và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình đến các vị thần linh, các vị tướng có công chống giặc ngoại xâm. Cũng là dịp để cầu mạnh khỏe, bình an và một mùa màng bội thu. Lễ hội cũng giúp thắt chặt tình làng nghĩa xóm, mở rộng giao lưu giữa các vùng miền khác nhau, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, củng cố tính cộng đồng và là cơ hội giới thiệu những nét đẹp tự nhiên và nhân văn tới mọi miền tổ quốc.

Lễ hội Quan Lạn mang dấu ấn của một hội làng truyền thống nhưng rất hoành tráng thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc chống giặc ngoại xâm bảo vệ chủ quyền đất nước của những người dân vùng biển.

1.2.2.3. Văn hóa ẩm thực.

Đối với khách du lịch biển, ngoài việc tắm biển, thưởng ngoạn cảnh quan thiên nhiên, hít thở không khí trong lành thì việc thưởng thức các món ăn chế biến từ hải sản cũng là nhu cầu và mục tiêu của chuyến đi.

Vân Đồn có nhiều món ăn ngon nổi tiếng được chế biến từ các loài hải sản như: Tu hài, Sá sùng, Ngán, Sò huyết, Điệp, Ốc hương, Hải sâm. Nhà hàng Tuyết Phần ở thị trấn Cái Rồng luôn tập lập thực khách quanh năm, bởi ở đây có nhiều món ăn đặc sản mang hương vị của biển như nộm sứa, súp Sá sùng, Sá sùng rang, Tu Hài nướng và rượu Ngán. Cảnh câu mực đêm thường mang lại cho du khách khoái cảm mỗi khi câu được con mực ống dài và trong suốt. Đáng nhớ và khó quên vẫn là cảnh ngồi trên thuyền mà nhâm nhi rượu Bào Ngư với món mực hấp lá gừng chấm với nước mắm Cái Rồng hay nước mắm “Cốt” Minh Châu thì không khoảnh khắc nào sánh được.

Nếu đã một lần đến Vân Đồn mà không được thưởng thức món Tu hài thì thật là một điều đáng tiếc. Nó không quen thuộc và có nhiều như ngao, tôm, sò... nhưng nếu ai đã một lần thưởng thức, chắc hẳn sẽ không thể quên được hương vị rất đặc trưng của loại hải sản này. Dưới đây là cách chế biến và thưởng thức đặc sản tu hài - món ăn nổi tiếng của huyện đảo Vân Đồn.

Tu hài là loài hải sản quý hiếm, có giá trị dinh dưỡng cao, đã được nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thương phẩm thành công từ năm 2005 ở khu vực bờ vịnh Bái Tử Long, huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Sản phẩm tu hài nuôi hiện đã có mặt ở các nhà hàng hải sản tươi sống tại Quảng Ninh và một số thành phố lớn.

Xin được giới thiệu cách chế biến và thưởng thức món tu hài:

- Chọn những con tu hài có kích thước tương đối đều. Thông thường người ta ngâm tu hài từ 2 đến 3 phút trong chậu nước nóng khoảng 80- 90 độ C. Sau đó rửa sạch vỏ bên ngoài. Làm nên hương vị riêng biệt của tu hài hấp phụ thuộc rất nhiều vào gia vị được bỏ vào từng con tu hài.

- Tỏi và hành khô được băm nhỏ ra sau đó cho dầu lên chảo, hành hoa thái nhỏ trộn đều, sau đó cho nước mắm, mì chính, hạt tiêu vào tu hài và cho lên hấp.

- Sau khi hấp khoảng 12 đến 15 phút vớt tu hài ra đĩa. Mùi thơm của tu hài hấp quyện với mùi gia vị thật quyến rũ. Hãy trang trí khéo léo để có món tu hài khai vị bắt mắt và hấp dẫn hơn.

Món tu hài hấp khai vị ăn vừa mát vừa thanh, vừa có có dư vị ngọt rất riêng. Thịt tu hài hấp dòn, quyện với mùi gia vị thơm nức. Có thể nói khó có một món khai vị nào ngon, bổ dưỡng và an toàn vệ sinh như món tu hài hấp. Đó cũng là lý do để nhiều nhà hàng ở huyện Vân Đồn chọn món Tu hài hấp khai vị là món không thể thiếu trong thực đơn nhà hàng của mình và giờ đây, tu hài đã trở thành món được nhiều người biết đến trong cả nước.

2. Thực trạng của hoạt động kinh doanh du lịch.

2.1 Đánh giá kết quả hoạt động du lịch.

Năm 2009 ngành Du lịch huyện Vân Đồn nhìn chung đã đạt được một số kết quả nhất định: số lượng khách qua các năm tăng, chất lượng dịch vụ du lịch có chuyển biến rõ rệt; Các dịch vụ ăn uống, phương tiện vận chuyển ngày càng được nâng cao, đáp ứng tương đối nhu cầu của khách. Số lượng khách đến Vân Đồn theo những tour, tuyến ngày càng tăng, có thời gian lưu trú và khả năng thanh toán cao hơn so với năm trước.

Năm 2009 đã khai thác các sản phẩm du lịch: du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, mua sắm, tham quan cảnh quan, hàng động nghiên cứu các giá trị hệ sinh thái biển rừng kết hợp với vui chơi giải trí, thể thao, tắm biển, lễ hội, di tích lịch sử .

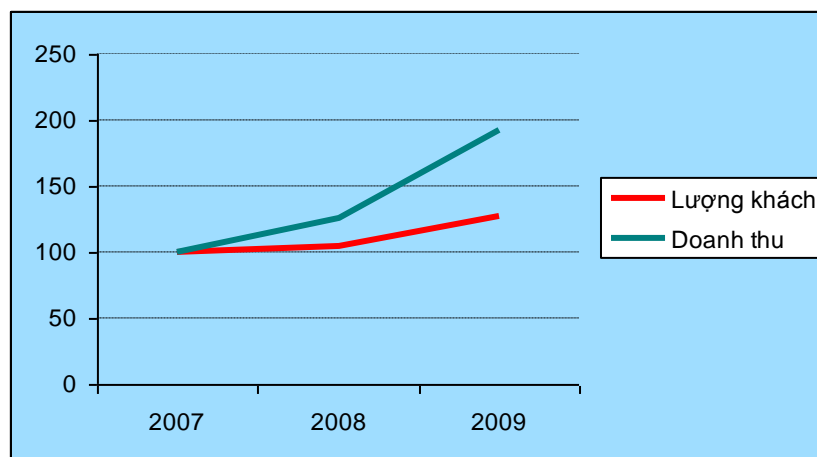
Tổng số khách năm 2009 ước đạt là 350.000 lượt, đạt 100% kế hoạch, trong đó khách quốc tế là 3487 lượt, đạt 99% KH, so với cùng kì năm 2008 tổng số lượt khách tăng 22% và khách quốc tế 26%. Mặc dù với nhiều biến động của nền kinh tế suy thoái nhưng nhìn chung du khách đến Vân Đồn trong những tháng gần đây không ảnh hưởng nhiều, còn có chiều hướng tăng lên, đặc biệt là khách nội địa. Năm nay khách đa số tập trung đi theo đoàn, khả năng chi tiêu và thời gian lưu trú của khách tăng lên. Thời gian lưu trú của khách trung bình là 1,5 ngày.

Bảng 4: Số liệu thống kê Du lịch huyện Vân Đồn

Năm	2007		2008		2009	
	Tổng	%	Tổng	%	Tổng	%
Lượng khách(lượt)	276.000	100	286.500	103,8	350.000	126,8
Doanh thu (triệu đồng)	2.760	100	3.460	125,3	5.300	192

Năm	Tổng lượt khách		Trong đó khách quốc tế	
	Tổng	%	Tổng	%
2007	276.000	100	2.119	0,76
2008	286.500	100	2.750	0,95
2009	350.000	100	3.467	1

Nguồn: Phòng văn hóa thể thao và du lịch huyện Vân Đồn



Đồ thị tốc độ phát triển lượng khách và doanh thu

Qua những con số trên ta có thể nhận thấy rõ: lượng khách đến không phải là nhỏ nhưng doanh thu đem lại không nhiều. Sở dĩ có điều này một phần cũng là do lượng khách quốc tế trong cơ cấu khách còn quá thấp chỉ chiếm khoảng 1%, mà hầu hết lại là khách Trung Quốc, khách đến từ Châu Âu hầu như là không có. Điều này đặt ra câu hỏi cho các nhà quản lí trong công tác quảng bá, xúc tiến quảng cáo đồng thời đầu tư nâng cấp các khu du lịch để tăng tính hấp dẫn, và cũng là bài toán cho các nhà kinh doanh dịch vụ du lịch làm sao có phương pháp hiệu quả để tăng doanh thu, để Du lịch Vân Đồn phát triển xứng tầm với tiềm năng.

2.2 Đánh giá về khai thác các tài nguyên du lịch.

Nhìn chung, việc khai thác tiềm năng du lịch của Huyện chưa thực sự triệt để và còn rất nhiều hạn chế. Cụ thể như sau:

2.2.1 Tài nguyên tự nhiên.

Bãi biển ở Vân Đồn là nơi có phong cảnh hữu tình, khí hậu lại trong lành, mặt biển tương đối êm ả, lại kết hợp với loại địa hình núi thích hợp cho rất nhiều loại hình du lịch như nghỉ dưỡng, du lịch thể thao dưới nước... Tuy nhiên, hiện nay khách đến đây chủ yếu để tắm biển chứ chưa khai thác được các nhu cầu tiêu dùng khác. Có quá ít các quán hàng giải khát, ô che nắng và bàn ghế cho khách nghỉ ngơi, tắm biển. Thêm vào đó là việc thu phí một cách tràn lan, gây tâm lí phản cảm cho du khách. Cũng chưa xuất hiện những cửa hàng bán đồ lưu niệm để kích thích nhu cầu mua bán của khách. Các phương tiện phục vụ cho các trò chơi thể thao dưới nước thì đơn điệu, chưa thỏa mãn được nhu cầu vui chơi giải trí của đại đa số khách có độ tuổi là thanh thiếu niên. Nếu ta phát triển các dịch vụ nhưng theo đúng quy hoạch và đúng quy cách sẽ vừa không ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan, vừa có thể tăng tính hấp dẫn, kéo dài thời gian lưu trú, kích thích nhu cầu tiêu dùng của du khách để từ đó tăng hiệu quả kinh doanh. Buổi tối trên bờ biển có rất ít hệ thống đèn điện mà nếu có thì cũng hoạt động thất thường, khách muốn đi dạo chơi tối cũng ngại. Đây là một hạn chế rất lớn trong công tác quản lí.

Ở gần khu vực các bãi biển có các làng chài lưới. Mỗi khi bè cá về, khách có thể trực tiếp mua của người dân, điều này sẽ trở thành một nét mới thú vị và cũng là cơ hội để tăng thu nhập cho người dân vì bao giờ giá bán lẻ cũng được giá hơn giá bán buôn. Cũng nên mở dịch vụ hệ thống các nhà bè xung quanh bãi biển, khách có thể vừa chế biến và thưởng thức những sản phẩm tươi xanh vừa mua, vừa có thể hít thở không gian rất đặc trưng của biển. Điều này thực sự là một trải nghiệm thú vị.

Vì đây là du lịch biển, nên cũng không thể tránh khỏi tính mùa vụ mà thậm chí du lịch ở đây còn mang tính thời vụ lớn. Khách du lịch chỉ đến đây tập trung vào mùa hè từ cuối tháng 4 – giữa tháng 8, các tháng còn lại hầu như vắng khách. Điều

này là một khó khăn lớn gây cản trở cho việc phát triển du lịch nhưng cũng là một bài toán học bùa mà bất cứ nhà quản lí nào cũng phải đau đầu.

Tại các bờ biển, cũng đã có các ban quản lí du lịch, tuy hoạt động chưa thật sự sát sao nhưng cũng không thể phủ nhận hiệu quả của nó.

2.2.2 Tài nguyên nhân văn.

Nhìn tổng thể, kiến trúc của các di tích lịch sử còn quá sơ sài, tiêu biểu là Đền thờ Vua Lý Anh Tông, nằm ở ngay cầu cảng, một vị trí khá thuận lợi nhưng lượng khách đến đây tương đối ít. Sở dĩ có điều này là vì cảnh quan nơi đây còn quá hoang sơ, tạo cảm giác tiêu điều, thiếu tính hấp dẫn. Chỗ để xe thì vô cùng hạn chế. Đối tượng khách đến Đền chủ yếu là người dân địa phương đi lễ vào các ngày rằm mùng một. Vấn đề đặt ra là cần có một dự án cho việc trùng tu các di tích. Việc này cần được tiến hành một cách khẩn trương và nghiêm túc. Chùa Cái bầu sau dự án đầu tư và khánh thành vào cuối năm 2009 thì đầu năm 2010 lượng khách đã tăng lên một cách đáng kể. Điều này cho thấy tính khẩn thiết và tác dụng to lớn của việc trùng tu.

Di tích lịch sử là một tài nguyên có thể khai thác mà không bị ảnh hưởng nhiều của tính mùa vụ, tuy nhiên, ở Vân Đồn loại tài nguyên này vẫn chưa trở thành điểm khai thác chính, mà chỉ kết hợp với du lịch biển hoặc là điểm thêm của các tour tuyến vùng lân cận. Thêm vào nữa là việc hạn chế đối tượng tham gia của các lễ hội, chủ yếu là dân địa phương và các vùng lân cận. Cũng có thể là công tác quảng bá chưa thực sự hiệu quả hoặc công tác tổ chức chưa tốt. Điểm mạnh của loại hình này là việc bảo tồn và trông coi tương đối tốt. Nhờ vào ý thức trách nhiệm của người dân mà di tích lúc nào cũng giữ được vẻ trang nghiêm và cổ kính.

Về nét văn hóa ẩm thực, bên cạnh những ưu điểm đạt được như thực phẩm tươi sống được chế biến ngon, mà giá cả lại phải chăng cùng thái độ phục vụ niềm nở cùng không gian ăn thoáng đãng, đậm chất biển như thưởng thức trên ghe, trên bè giữa mênh mông biển trời thì cũng có một bộ phận nhỏ không biết có phải vì do chạy theo lợi nhuận mà chất lượng sản phẩm ngày càng đi xuống lại chắt chém với

giá cắt cổ khiến du khách tâm lí khó chịu và không muốn quay lại thêm lần nào nữa.

2.3 Cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch.

2.3.1 Cơ sở hạ tầng.

- *Đường giao thông.*

Vân Đồn cách Hà Nội 200km, khách du lịch có thể đến với Vân Đồn theo 2 con đường: đường bộ và đường thủy. Đường bộ thì đi theo quốc lộ 18 đến Cửa Ông thì rẽ phải đi qua cầu Vân Đồn dài cụm cầu vượt biển dài 7km đã chính thức nối thông huyện đảo Vân Đồn với đất liền. Đây là một dự án trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ với một huyện đảo đầy tiềm năng về kinh tế, du lịch, quốc phòng và đã mới được khánh thành vào ngày 1-1-2005. Đường thủy thì men theo biển Hải Phòng ra đến Vịnh Bái Tử Long.

Đường giao thông là một yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm du lịch của khách. Nắm được điều này các cơ quan ban ngành đã có những kế hoạch đầu tư hợp lí:

- Đường giao thông trong nội bộ huyện bao gồm:

+ Đường tỉnh lộ 334 đoạn Tài Xá - Vạn Hoa dài 41,7 km;

+ Đoạn Cái Rồng - Đai Xuyên 17 km;

+ Đường trên đảo Quan Lạn - Minh Châu dài 12 km;

+ Đường trên đảo Trà Bản (bao gồm: Minh Châu, Bản Sen, Quan Lạn)

dài 12,8km;

+ Đường trên đảo Ngọc Vũng dài 8,5 km;

+ Đường trên đảo Thắng Lợi dài 4km.

+ Năm 2007 Tuyến xe buýt Bãi Cháy – Vân đôn đã được đưa vào hoạt động tạo điều kiện cho du khách đến tham quan Bái Tử Long sau khi tham quan vịnh Hạ Long và ngược lại.

- Hệ thống giao thông đường thủy phục vụ công tác vận tải thủy, nhu cầu dân sinh, khách du lịch tuyến giao thông thủy nối liền 05 xã đảo với thị trấn Cái Rồng: Quan Lạn; Minh Châu; Ngọc Vũng; Thắng Lợi; Bản Sen.

+ Năm 2009 tuyến tàu cao tốc Cái Rồng đi Quan Lạn của Công ty cổ phần du lịch quốc tế Phúc Thịnh đã đi vào hoạt động với lịch trình 4 chuyến cả đi lẫn về, thời gian chạy tàu là 45phút/1chuyến. so với tàu khách thông thường giảm được 2/3 thời gian chạy tàu.

- Cảng Cái Rồng có thể cho xà lan, tàu thuyền tải trọng hàng trăm tấn ra vào dễ dàng, đồng thời là đầu mối giao thông qua lại giữa các đảo.

- Cảng Vạn Hoa đây là cảng quân sự tới đây sẽ được đầu tư xây dựng nâng cấp phục vụ cho hoạt động an ninh quốc phòng và bảo vệ bờ biển khu vực Vân Đồn và vùng biển tỉnh Quảng Ninh.

Hạn chế của giao thông là có một số đoạn đường còn chưa được nâng cấp, đường hẹp, gồ ghề lại rất bụi tiêu biểu là đoạn đường từ khu Đoàn Kết vào Chùa Cái Bầu, và đường vào khu sinh thái Bái Tử Long. Đây cũng là lý do chủ yếu làm giảm đi tinh hấp dẫn và chưa thực sự trở thành lựa chọn yêu thích của khách.

- *Cơ sở y tế.*

Sự nghiệp y tế huyện Vân Đồn ngày càng phát triển, công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân và du khách.

Với hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại gồm 1 Bệnh viện Đa khoa với quy mô hơn 100 giường, 6 khoa. Những cơ sở khác bao gồm trung tâm y tế dự phòng và 1 bệnh viện (phân viện Quan Lạn) 15 giường tại xã Quan Lạn.

Bên cạnh đó, có một số hệ thống trạm y tế ở khắp các xã với tổng số là 12 trạm (3 giường/1 trạm), 8 trong tổng số các trạm y tế có bác sỹ, tổng số 15 bác sỹ trong toàn bộ huyện với tỷ lệ 1 bác sỹ trên 2.000 dân. Tất cả các trạm y tế xã đều có y sĩ sản nhi.

- *Hệ thống thông tin liên lạc.*

Mạng lưới chuyên phát thư tín và bưu cục trên địa bàn huyện được thiết lập tới các xã trên toàn huyện. Các dịch vụ báo chí, điện thoại, internet phát triển mạnh.

Đến đầu năm 2009, tổng số trạm BTS hoạt động trên địa bàn huyện là 51 trạm, trong đó Vinaphone 13 trạm; Viettel 22 trạm; EVN Telecom 2 trạm; Mobiphone 14 trạm (Mobiphone sử dụng chung cơ sở hạ tầng 07 trạm BTS với các doanh

nghiệp khác). việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông đã góp phần phục vụ tốt nhu cầu liên lạc trên toàn huyện đặc biệt các xã đảo và các xã vùng sâu của huyện.

Đến nay 12/12 xã, thị trấn đã được phủ sóng điện thoại không dây đảm bảo thông tin liên lạc.

Tổng số thuê bao trên toàn huyện tính đến hết năm 2008 đạt khoảng 16.915 thuê bao, đưa mật độ điện thoại cố định, cố định không dây và điện thoại di động trả sau đạt 26,9 thuê bao/100 người.

Hệ thống Internet tính đến năm 2008 phát triển 834 thuê bao (trong đó 24 thuê bao là đại lý hoạt động dịch vụ Internet)./.

Điều này làm tăng tính công nghệ cho ngành du lịch, xúc tiến quảng bá và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cấp cơ sở hạ tầng thêm tính hiện đại, tăng tính tiện nghi, tạo tâm lí thoải mái cho du khách khi đi nghỉ.

2.3.2 Cơ sở dịch vụ du lịch.

- *Cơ sở lưu trú.*

Theo số liệu thống kê năm 2009, cả huyện đã có 53 cơ sở lưu trú với 713 phòng nghỉ tăng 11% so với năm 2008(50 CSLT và 641 phòng nghỉ), công suất sử dụng phòng đạt 47%, số lượng và chất lượng phòng nghỉ trong địa bàn đã có chuyển biến rõ rệt, quan tâm và chuyên môn hóa hơn, điển hình là các đơn vị kinh doanh có quy mô lớn: 3 khách sạn 2 sao là khách sạn Đảo Công Tây, Khách sạn xí nghiệp Hải Minh, Khách sạn Việt Linh, Khu biệt thự Việt Mĩ và đặc biệt hơn cả là khu resort Minh Châu – khách sạn 3 sao đầu tiên của Vân Đồn với đủ các loại phòng đầy đủ tiện nghi làm hài lòng những khách khó tính nhất.

Tuy nhiên, tại các đơn vị kinh doanh với quy mô nhỏ chất lượng dịch vụ còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của khách, các trang thiết bị trong phòng đầu tư không đầy đủ đặc biệt ở các xã Quan Lạn, Ngọc Vũng, Minh Châu hệ thống cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế., chưa có điện lưới quốc gia và nước ngọt chưa đủ dùng. Thêm vào đó là tình trạng phá giá nhà nghỉ vào những ngày mùa vụ đông khách điển hình như ở Quan Lạn có tình trạng khách nghỉ 100.000vnd/1đêm/ 1 người. Hạn chế hơn cả là tình hình an ninh ở đây còn kém, đã có nhiều trường hợp

khách bị mất điện thoại hay tiền trong khi nghỉ đêm. Hiện tượng này gây tâm lí lo âu cho khách.

- *Cơ sở ăn uống.*

Đây là loại hình kinh doanh mang lại doanh thu lớn và giới thiệu nét đặc trưng của văn hóa ẩm thực của huyện nhà. Nhưng thực tế cho thấy hầu hết các đơn vị kinh doanh dịch vụ ăn uống còn thiếu tính chuyên nghiệp, chưa tạo được hình ảnh riêng cho đơn vị mình: nhân viên không có đồng phục riêng, tính chuyên nghiệp của người lao động chưa cao, việc xử lí chất thải ở các nhà bè còn quá nhiều hạn chế gây tác động xấu đến môi trường du lịch.

- *Hoạt động kinh doanh phương tiện vận chuyển khách.*

Vân Đồn có trên 30 phương tiện vận tải hành khách đường bộ phục vụ khách đi nội tỉnh và liên tỉnh, 4 hãng taxi và hệ thống tàu cao tốc, tàu gỗ phục vụ khách du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng đi về trong ngày trên các đảo. Đây là một trong những dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương. Hệ thống vận chuyển khách đi trên các tuyến đảo đã được đầu tư nâng cấp tăng cả về số lượng lẫn chất lượng, tuy nhiên một số đơn vị vẫn chưa làm tốt công tác giữ vệ sinh trên biển, còn xả rác trực tiếp xuống biển, hệ thống xe lam thì không ổn định trật tự, hiện tượng tranh giành khách, gây mất mỹ quan.

2.4 Đánh giá về môi trường.

Cảnh sắc thiên nhiên của Vân Đồn rất hùng vĩ. Môi trường du lịch tại đây vì cách xa các trung tâm đô thị nên còn khá trong lành. Biển, núi và rừng ở Vân Đồn cứ như hòa quyện với nhau, tạo nên bức tranh sinh thái sống động. Vân Đồn có một quần thể biển đảo với vẻ đẹp kỳ thú mang với những giá trị địa chất, địa mạo, tính đa dạng sinh học cao. Chính vì vậy mà Vân Đồn đang là điểm đến của các du khách ưa thích với nhiều loại hình: mạo hiểm, sinh thái, văn hóa. Mặt hạn chế là ở đây vẫn yếu về khâu xử lí rác thải, nước thải, hay các chỉ dẫn, khẩu hiệu bảo vệ môi trường để nhắc nhở khách du lịch có ý thức cao trong việc vứt rác thải bảo vệ môi trường.

Đã có bộ phận chuyên nghiệp thu gom rác thải ở các bãi biển làm trong lành nguồn nước và làm đẹp cảnh quan.

2.5 Đánh giá về lao động trong ngành.

Theo số liệu thống kê của ban văn hóa và thông tin, hiện trên toàn địa bàn có 1.200 lao động(2009), tăng 20% so với năm 2008(1000). Lượng tăng này không đáng kể. Mặt khác hầu hết chưa có nghiệp vụ, số lượng qua đào tạo lại thấp, trình độ ngoại ngữ kém và khả năng sử dụng cũng như hiểu biết về máy tính, thương mại, điện tử, internet còn yếu. Điều này cũng xuất phát từ thực tế đây là vùng kinh tế sinh sau đẻ muộn, trước sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, trình độ dân trí thấp, tỉ lệ học sinh đỗ vào đại học tương đối ít.

Thêm nữa là tình trạng không có đội ngũ hướng dẫn viên tuyến, thuyết minh viên tại điểm du lịch mà nếu có thì cũng hơi hợt, thiếu trách nhiệm và chưa thực sự lành nghề. Có thể cả về chất lượng và số lượng đều chưa xứng tầm với tiềm năng.

2.6 Đánh giá về tổ chức kinh doanh du lịch.

Tổ chức kinh doanh du lịch chính là phương tiện, là cầu nối trực tiếp giữa các điểm du lịch và khách du lịch. Là nơi tổ chức và xây dựng và thực hiện các chuyến đi du lịch, là tổ chức quyết định đến sự phát triển của du lịch. Ở bất kì điểm du lịch nào cũng đều có các doanh nghiệp lữ hành hoạt động. Quảng Ninh là một nơi hội tụ đầy đủ các tiềm lực để phát triển các tổ chức kinh doanh du lịch như có nguồn tài nguyên du lịch dồi dào cả về tự nhiên lẫn nhân văn mà tiêu biểu là di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. Lại là một trong 3 điểm đầu của khu tam giác kinh tế khu vực miền bắc. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các doanh nghiệp lữ hành có phát triển mạnh nhưng lại không đều. Hầu hết chỉ phân bố ở hai thành phố lớn: Hạ Long và Móng Cái. Các khu khác, mặc dù có tiềm năng nhưng không hề có bất cứ một doanh nghiệp nào trong đó có Vân Đồn.

Tại đây, việc tổ chức kinh doanh còn chưa chủ động, chưa có chính sách và hình thức thu hút khách du lịch, kích cầu mà mới dừng lại ở việc đón khách du lịch một cách thụ động. Sự liên doanh giữa các đơn vị kinh doanh còn hạn chế.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trên đây là một số những tiềm năng và một số đánh giá về thực trạng hoạt động kinh doanh du lịch chùa huyện đảo Vân Đồn. Đây là một mảnh đất có sự ưu ái của thiên nhiên, có di tích lịch sử, văn hóa lâu đời, có tiềm năng phát triển du lịch dồi dào. Tuy nhiên do những tác động chủ quan và khách quan mà du lịch nơi đây còn khá nhiều hạn chế, chưa thực sự phát triển xứng tầm với tiềm năng.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÓ HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG DU LỊCH VÂN ĐỒN.

1. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội Quảng Ninh.

1.1 Quan điểm phát triển.

- Xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một địa bàn động lực, một trong những cửa ngõ giao thông quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đối với khu vực và Quốc tế, một khu vực phát triển năng động của kinh tế ven biển và biển, có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững; có thế và lực ngày càng lớn thúc đẩy sự phát triển và khả năng cạnh tranh.

- Phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế hướng mạnh về xuất khẩu. Nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ, đặc biệt là các ngành kinh tế giữ vai trò chủ đạo của Tỉnh. Phát huy tối đa thế mạnh về du lịch, giải quyết hài hoà giữa phát triển du lịch với các lĩnh vực khác; trong đó, ưu tiên phát triển du lịch, phải giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường. Coi trọng hàng đầu việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tích cực chuẩn bị tốt tiền đề để phát triển nhanh và bền vững hơn sau năm 2010.

- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá xã hội, xoá đói giảm nghèo, thúc đẩy tiến bộ và thực hiện công bằng xã hội đặc biệt chú ý đến vùng núi hải đảo và vùng đồng bào dân tộc ít người trư?c hết là nâng cao dân trí và mức sống vật chất tinh thần của nhân dân.

- Điều chỉnh và cải thiện việc tổ chức kinh tế theo lãnh thổ. Kết hợp giữa phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ dải ven biển Hạ Long ở tiểu vùng phía Tây của Tỉnh với phát triển nông,lâm nghiệp,công nghiệp chế biến, dịch vụ của tiểu vùng phía Đông của Tỉnh và khu vực miền núi; giữa phát triển đô thị với phát triển nông thôn tạo điều kiện cho các vùng phát triển hạn chế chênh lệch khá xa về nhịp độ tăng trưởng giữa các vùng.

- Kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên môi trường bảo đảm phát triển bền vững. Phát triển kinh tế phải bảo đảm tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh; đặc biệt chú trọng giữ vững chủ quyền vùng biển, đảo và thềm lục địa về quyền lợi kinh tế, giữ vững chủ quyền quốc gia.

1.2 Mục tiêu phát triển.

Từ nay đến năm 2020, phát triển có trọng tâm, trọng điểm, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả để thực hiện công nghiệp hoá trước năm 2020.

- Tốc độ tăng trưởng GDP thời kỳ 2006-2010 đạt khoảng 13% thời kỳ 2011-2020 khoảng 14,2%. GDP bình quân đầu người vào năm 2010 đạt 1.757,1 USD, năm 2020 đạt trên 6.292,7 USD.

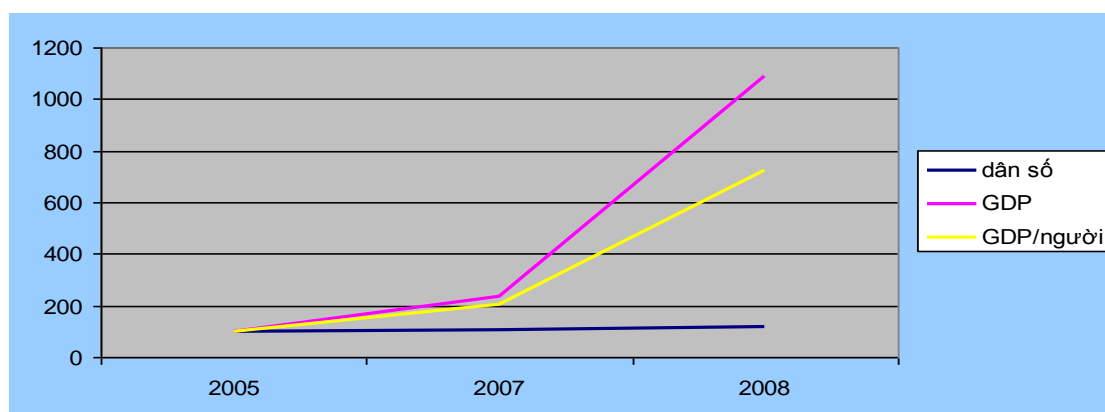
- Tỷ lệ tích lũy đầu tư lên 40% so với GDP vào năm 2010, đáp ứng 75% nhu cầu vốn đầu tư phát triển.

- Thực hiện tốt công tác xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm phát triển y tế, giáo dục - đào tạo, văn hoá thể dục- thể thao v.v..

Bảng 5: Một số chỉ tiêu cơ bản của tỉnh Quảng Ninh

Chỉ tiêu	Năm	2005		2010		2020	
		Tổng	%	Tổng	%	Tổng	%
Dân số (nghìn người)		1.069,9	100	1.124,1	105	1.237,3	116
GDP(tỷ đồng – giá hiện hành)		15.346,0	100	36.341,3	237	167.405,0	1091
GDP/ người (USD)		869,3	100	1.757,1	202	6.292,7	724

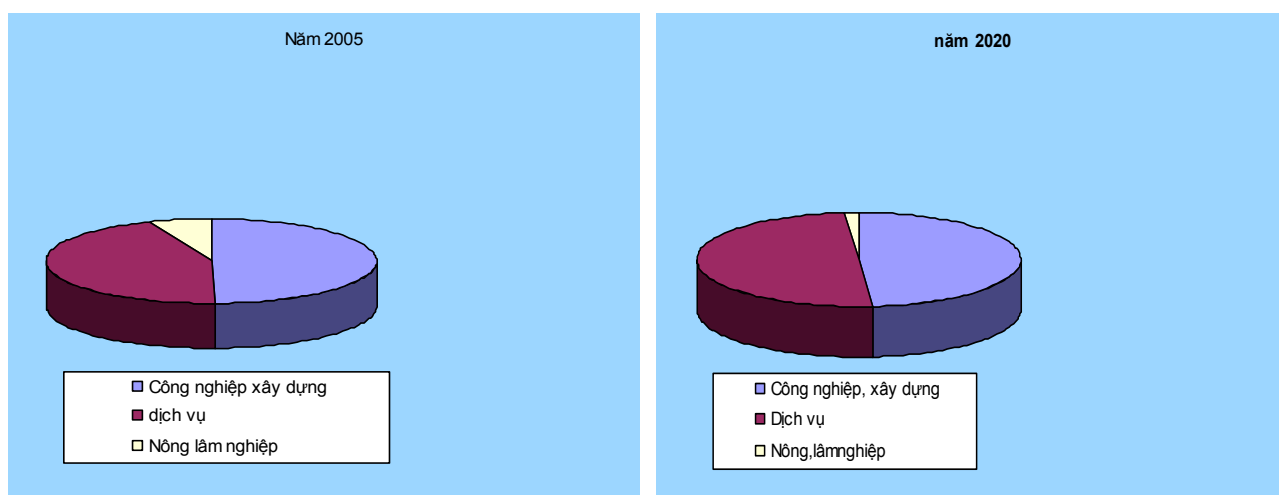
Nguồn: Bản quy hoạch tổng thể KT-XH tỉnh Quảng Ninh



Bảng 6: Cơ cấu GDP của tỉnh Quảng Ninh

Năm	2005	2010	2020
Cơ cấu GDP(%- giá hiện hành)	100,0	100,0	100,0
-Công nghiệp, xây dựng	49,7	46,3	48,5
Dịch vụ	44,0	49,7	50,1
-Nông, lâm nghiệp, thủy sản	6,2	4,0	1,4

Nguồn: Bản quy hoạch tổng thể Tỉnh Quảng Ninh



Biểu đồ cơ cấu GDP của tỉnh Quảng Ninh

Trong phần Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực, bản Quy hoạch đã ghi rõ :

Ngành Du lịch đến năm 2010, sẽ thu hút khoảng 6,8 triệu lượt khách du lịch (trong đó từ 2,5-3 triệu lượt khách quốc tế) và tăng gấp 1,5 lần vào năm 2020. Phần đầu doanh thu đạt 3.000 tỷ vào năm 2010 và trên 5.000 tỷ đồng vào năm 2020.

Tập trung phát triển 4 khu du lịch chính là : Hạ Long, Vân Đồn, Móng Cái-Trà Cỏ, Uông Bí- Đông Triều- Yên Hưng thành trung tâm du lịch lớn tương ứng với vị thế của Tỉnh có thu từ du lịch chiếm tỉ trọng cao, bền vững trong cơ cấu GDP. Tổ chức các tuyến du lịch trong tỉnh, ngoài tỉnh và du lịch nước ngoài.

Chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng cao và các sản phẩm du lịch bổ trợ, sản phẩm lưu niệm thủ công mỹ nghệ, ẩm thực.

2. Phương hướng và mục tiêu phát triển du lịch huyện Vân Đồn.

2.1 Phương hướng.

- Xây dựng Khu Kinh tế Vân Đồn lần thứ nhất với tầm nhìn phát triển Khu Kinh tế Vân Đồn trở thành trung tâm thương mại, tài chính, du lịch hàng đầu Việt Nam.

- Phát huy các lợi thế về vị trí địa lí, các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, phấn đấu phát triển du lịch huyện có tốc độ tăng trưởng nhanh, có tính đột biến, thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Vân Đồn trở thành 1 trong 4 trung tâm du lịch của tỉnh và tạo tiền đề cho sự định hướng phát triển du lịch bền vững góp phần vào công cuộc xây dựng phát triển Vân Đồn trở thành khu kinh tế trọng điểm của Miền Bắc.

- Phát triển du lịch đi đôi với việc khai thác tối đa các đối tượng để tạo ra sản phẩm du lịch: cảnh quan tự nhiên, bãi biển, hang động, các di tích lịch sử, văn hóa...đồng thời phải coi trọng công tác tu bổ và cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy thuần phong mỹ tục, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động trong lĩnh vực du lịch nhất là ngoại ngữ và tin học.

2.2 Mục tiêu.

- Thiết lập và phát triển Vân Đồn trở thành điểm đến du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao và khu vui chơi giải trí cao cấp.

- Xây dựng sân bay quốc tế hiện đại phục vụ sự phát triển của Quảng Ninh và các tỉnh phía Bắc

- Thiết lập một cảng biển hiện đại phục vụ chủ yếu cho du lịch và dịch vụ

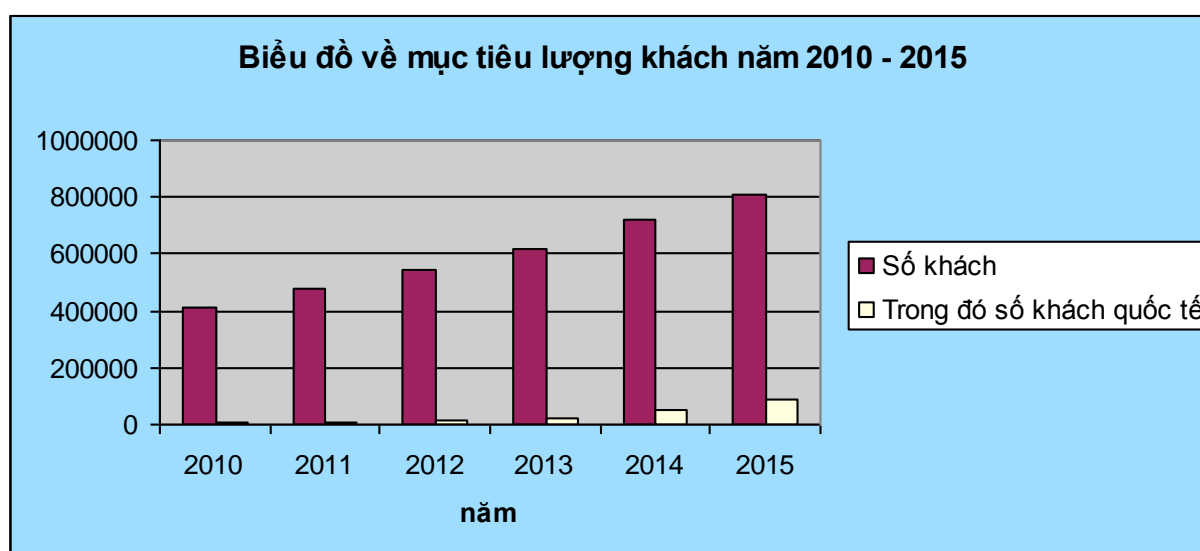
- Thiết lập định hướng lâu dài hướng tới sự bền vững; củng cố an ninh và bình ổn trong khu vực; thúc đẩy sự phát triển kinh tế của vùng Đông Bắc nói chung cũng như tỉnh Quảng Ninh nói riêng....

- Từ đây theo đề xuất của nhà đầu tư trên đảo Cái Bàu xây dựng sân bay quốc tế, khu kinh doanh trung tâm, khu nghỉ dưỡng phức hợp, cảng thương mại; có đảo công viên quốc gia; đảo Bản Sen và Trà Ngộ làm du lịch sinh thái; đảo Thắng Lợi làm khu nghỉ dưỡng, cảng cầu cá kết hợp du lịch sinh thái; đảo Cảnh Cước là khu di tích lịch sử, bảo tồn rùa biển; đảo Ngọc Vòng phát triển khu nghỉ dưỡng...

Bảng 7: Mục tiêu cơ bản về lượng khách năm 2010 – 2015.

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Số khách	415.000	477.000	546.000	620.000	723.000	810.000
Trong đó số khách quốc tế	5.500	8.300	12.000	23.000	48.000	85.000

Nguồn: Phòng văn hóa thể thao du lịch Vân Đồn



Có thể nói, những phác thảo trong hành trình Vân Đồn hướng tới trung tâm du lịch cao cấp đã ngày một rõ nét hơn.

3. Một số thuận lợi và khó khăn để phát triển du lịch hiện nay.

3.1 Thuận Lợi.

Cùng với việc trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại quốc tế thế giới là sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, sự hỗ trợ của các ban, ngành liên quan và nỗ lực tự thân của toàn ngành, du lịch Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ và đang từng bước hội nhập vào quá trình phát triển của

du lịch thế giới. Vị thế du lịch Việt Nam ngày càng được khẳng định và nâng cao. Thực hiện Chiến lược phát triển du lịch và Chương trình hành động quốc gia về du lịch, chúng ta đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng, riêng trong 5 năm qua là 2.146 tỷ đồng hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật ở các khu du lịch trọng điểm và thu hút được hơn 190 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào du lịch với tổng số vốn là 4,64 tỷ USD. Hòa trong những thuận lợi chung ấy, Du lịch Vân Đồn cũng có những thuận lợi riêng. Cụ thể như sau:

- Vân Đồn được thiên nhiên vô cùng ưu đãi. Huyện đảo này ôm trọn vịnh Bái Tử Long, một quần thể biển đảo mà vẻ kỳ thú, giá trị địa chất, tính đa dạng sinh học có những yếu tố tương đồng với vịnh Hạ Long. Nhiều đảo có dạng cấu tạo đá vôi, thường chỉ cao 200 đến 300m so với mặt biển và có nhiều hang động với bãi biển dài, cát trắng mịn cùng với bầu không gian trong lành, dễ chịu mà không phải nơi đâu cũng có. Bên cạnh đó, Vân Đồn còn là mảnh đất giàu tính nhân văn và mang đậm tính truyền thống dân tộc. Ở đây có một hệ thống các di tích lịch sử có giá trị và có lịch sử văn hóa lâu đời. Có lẽ vì thế, ta không khỏi mơ ước về một ngày sau 10 năm được công nhận hai lần là di sản thiên nhiên thế giới, vịnh Hạ Long sẽ đứng trước cơ hội được công nhận lần 3 với vùng di sản được nối dài, mở rộng trên một diện tích trời nước mênh mông có cái tên thơ mộng không kém: Bái Tử Long - nơi đàn rồng con về chầu đất mẹ.

- Hiện nay, do chính sách đầu tư của tỉnh và nhà nước, giao thông đi lại của Huyện đã được cải thiện đặc biệt là sự hoạt động của cầu Vân Đồn, không những giúp cho việc đi lại tham quan của du khách trở nên thuận tiện hơn trước mà còn giúp cho việc trao đổi giao lưu về kinh tế giữa các vùng lân cận dễ dàng hơn, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Từ đó thúc đẩy du lịch phát triển.

- Vân Đồn cách thành phố Hạ Long 50km – một trong 2 trung tâm văn hóa và kinh tế của tỉnh. Đây là một khoảng cách không xa, các tổ chức kinh doanh du lịch ở huyện hoàn toàn có thể thiết kế các tour tuyến kết hợp tham quan với các địa điểm du lịch khác trong các vùng lân cận.

* Nhà nước và Tỉnh Quảng Ninh đã đưa ra kế hoạch về 2 dự án lớn ở Vân Đồn:

- Ngày 31-5-2006, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 786/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Vân Đồn”. Chức năng chính của Khu kinh tế Vân Đồn được xác định là: Trung tâm du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao, Trung tâm hàng không quốc tế, trung tâm dịch vụ cao cấp và đầu mối giao thông quốc tế. Từ bài học kinh nghiệm của các khu du lịch khác trên địa bàn và các tỉnh khác trong nước cho thấy sự phát triển nóng vội, không tuân theo quy hoạch đã dẫn đến tình trạng làm du lịch nhưng lại phá vỡ những điều kiện cần thiết nhất để cho du lịch phát triển bền vững. Đồng chí Nguyễn Tất Thành, Phó Chủ tịch UBND huyện cho biết: Trong khi chờ có quy hoạch tổng thể, chi tiết cho Khu kinh tế Vân Đồn, huyện xác định nhiệm vụ đầu tiên là phải làm tốt công tác giữ gìn, bảo quản hiện trạng tài nguyên thiên nhiên biển đảo và rà soát lại các dự án trên địa bàn, đề nghị tỉnh thu hồi những dự án không thực hiện và điều chỉnh một số dự án để phù hợp với sự phát triển của huyện. Bên cạnh đó, Vân Đồn cũng đang được tỉnh quan tâm đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng như nâng cấp hệ thống giao thông, điện, nước, bến cảng... Để phát triển Vân Đồn thành trung tâm du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao riêng huyện không thể làm được mà cần có sự tham gia ủng hộ, chỉ đạo tích cực của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, của tỉnh và các ngành chức năng. Mong rằng Quy hoạch xây dựng tổng thể Khu kinh tế Vân Đồn sớm được Chính phủ phê duyệt và Ban quản lý Khu kinh tế được thành lập sẽ tạo những cú hích giúp huyện tháo gỡ được những khó khăn.

-. Phương án nghiên cứu và kế hoạch đầu tư xây dựng dự án sân bay quốc tế Vân Đồn; tuyến đường cao tốc Nội Bài-Vân Đồn và quần thể sân Golf 27 lỗ, khách sạn 5 sao, casino, biệt thự song lập tại khu Ao Tiên - Hạ Long - Vân Đồn. Theo phương án của chủ đầu tư và tư vấn thiết kế, sân bay Vân Đồn sẽ là một sân bay hiện đại, đường băng dài 3,5 km, có khả năng tiếp nhận nhiều loại máy bay với lượng hành khách thời gian đầu là 500 đến 800 ngàn hành khách/năm. Giai đoạn 2 của dự án (2016-2020) sẽ nâng cấp sân bay đạt công suất tới 3,5 triệu lượt hành khách/năm và có thể tiếp tục mở rộng khi nhu cầu vận chuyển tiếp tục tăng cao. Tuyến đường cao tốc Nội Bài - Vân Đồn được đơn vị tư vấn đưa ra bao gồm 2

phương án. Phương án thứ nhất sẽ xây dựng tuyến đường từ Nội Bài-Vân Đồn chiều dài 160 km, rộng 24m với 4 làn đường bao gồm 77 cây cầu (12,8 km), 6 đường hầm (5,3 km), 6 nút giao thông lập thể với tổng vốn đầu tư khoảng 1,7 tỷ USD; phương án 2 là xây dựng đường cao tốc bắt đầu từ Hải Dương đến Vân Đồn dài 130 km với chi phí khoảng 1,5 tỷ USD. Cũng theo các chủ đầu tư và tư vấn thiết kế khi xây dựng xong quần thể sân Golf 27 lỗ, khách sạn 5 sao, casino cùng 464 ngôi biệt thự song lập tại khu Ao Tiên - Hạ Long - Vân Đồn thì đây sẽ là một tổ hợp dịch vụ vui chơi, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái cao cấp quy mô lớn ngang tầm với một số khu vui chơi giải trí của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Như vậy, đây là những điều kiện vô cùng thuận lợi cho Vân Đồn, nếu như các dự án xây dựng được hoàn thành thì trong thời gian tới Vân Đồn như được khoác trên mình một tấm áo mới, mở ra một tương lai rạng ngời cho du lịch phát triển.

3.2 Khó khăn.

Bên cạnh những thuận lợi đó, Vân Đồn vẫn đã và đang gặp những khó khăn sau:

- Do cuộc khủng hoảng kinh tế ảnh hưởng đến du lịch của cả nước. Diễn hình là trong 10 tháng đầu năm 2008 đạt gần 3,6 triệu lượt khách, chỉ tăng 3,5% so với cùng kì năm 2007. Đây là tốc độ tăng trưởng khách quốc tế đến Việt Nam thấp nhất từ năm 2004 đến nay (2004: 27,5%; 2005: 20,3%; 2006: 5%; 2007: 16,6%). Trong tháng 12, lượng khách quốc tế đến Việt Nam ước đạt 376,400 lượt. Tính chung cả năm 2009, lượng khách quốc tế ước đạt 3.772.359 lượt, giảm 10,9% so với năm 2008. Điều này chứng tỏ sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính đến lĩnh vực du lịch nước ta khá mạnh mẽ và rõ rệt. Không ít thì nhiều, nó cũng gây tác động xấu đến ngành du lịch của Vân Đồn.

- Thêm vào đó, so với tiềm năng, lợi thế du lịch Vân Đồn hiện phát triển chưa tương xứng, huyện mới chỉ thu hút được một số nhà đầu tư vào làm du lịch và cũng chủ yếu tập trung ở khu vực Cái Rồng, Quan Lạn, Ngọc Vũng, còn các xã

đảo hầu như vẫn còn đang bỏ trống. Có thể nói, hiện nay việc khai thác du lịch ở Vân Đồn vẫn mang tính tự phát dựa trên lợi thế sẵn có là chính.

- Một trong những nguyên nhân được xem là rào cản lớn trong hành trình tiến tới khu du lịch biển đảo chất lượng cao mang thương hiệu Vân Đồn là hạ tầng cơ sở chưa đủ sức đáp ứng yêu cầu cho việc phát triển một khu du lịch chất lượng cao. Hiện nay ngay tại đảo lớn Cái Bàu, nguồn nước sạch cũng chỉ đáp ứng được 70% nhu cầu của người dân, các đảo còn lại đều đang sử dụng nguồn nước tự nhiên hạn chế về số lượng, kém về chất lượng. Điều khó khăn là phương án lấy nước tại chỗ hầu như không thể vì nước mặt rất hạn chế và nước ngầm lại bị nhiễm mặn, còn phương án đưa nước từ đất liền ra hiện gặp rất nhiều trở ngại, đòi hỏi đầu tư lớn và phương tiện hiện đại.

- Mạng lưới giao thông liên xã, thôn, bến cảng của các xã đảo còn thiếu nhiều gây trở ngại lớn trong việc giao thương nhất là trong mùa mưa bão. Thêm một rào cản nữa là trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực của huyện còn thấp, năng lực và khả năng tiếp cận với kỹ thuật - công nghệ tiên tiến còn hạn chế. Do đặc điểm địa lý xa xôi, điều kiện thông tin liên lạc ở các tuyến đảo khó khăn cũng là một trong những nguyên nhân khiến nhà đầu tư cân nhắc khi quyết định đầu tư tại các xã đảo. Có lẽ những điểm còn hạn chế trên đã khiến Vân Đồn chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư vào phát triển du lịch trên địa bàn.

- Các tour tuyến chưa được mở rộng khai thác nên còn đơn điệu. Thiếu các dịch vụ vui chơi giải trí, trung tâm mua sắm, chưa tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng, du lịch tham quan làng nghề, việc phát triển các sản phẩm mang thương hiệu Vân Đồn chưa được hoàn thiện.

- Tiến độ triển khai dự án các khu du lịch còn chậm.

4. Các giải pháp để phát triển du lịch.

4.1 Quy hoạch du lịch.

Trong quy hoạch xây dựng khu kinh tế Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh đã đề rõ : Khu kinh tế bao gồm: Phát triển biển đảo du lịch bền vững; trung tâm tài chính nước ngoài quốc tế và khu nghỉ dưỡng phức hợp. Quy hoạch chung xác định tầm

nhìn là phát triển Khu kinh tế trở thành trung tâm du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao, là trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp và là trung tâm thương mại quốc tế thông qua việc tạo ra cơ chế cho phát triển kinh tế xã hội bền vững, hấp dẫn đối với cộng đồng nhà đầu tư trong khi vẫn giữ được vẻ đẹp thiên nhiên của Vân Đồn và bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam.

Từ đây ta có thể nhận thức rõ được tầm quan trọng của Du lịch trong cơ cấu phát triển chung của nền kinh tế Huyện. Để Du lịch Vân Đồn phát triển bền vững, khắc phục hạn chế và khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế, du lịch Vân Đồn cần thực hiện tốt một số công việc như sau:

- Từ thực tiễn phát triển du lịch hiện nay, đi sâu nghiên cứu và đánh giá các loại hình sản phẩm du lịch, mô hình du lịch phát triển hiệu quả ở Vân Đồn, từ đó đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng tính hấp dẫn và không gây nhàm chán cho du khách. Cụ thể là loại hình du lịch mới như : du lịch thể thao dưới nước, du lịch cộng đồng, homestay, du lịch thăm làng nghề cùng trải nghiệm cuộc sống với người dân chài....

- Mở rộng các tour tuyến ra các vùng lân cận như Cửa Ông, Cẩm Phả, Hạ Long, Móng Cái... Lên kế hoạch xây dựng các khu trung tâm giải trí và mua sắm.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng đặc biệt là Hệ thống giao thông và điện nước cụ thể như sau:

- + Mạng lưới giao thông sẽ được thiết kế liên hoàn giữa các khu chức năng trên đảo, quy mô đường trên các đảo được thiết kế nhỏ vừa phải (2 làn xe) nhưng có khoảng lùi xây dựng lớn. Đối với đảo Cái Bàu sẽ xây dựng mới 2 cầu chính gồm cầu Vân Tiên nối sang khu vực Mũi Chùa (Tiên Yên) và cầu Đoàn Kết nối sang khu vực Mông Dương (Cẩm Phả). Ngoài ra theo quy hoạch này còn có hệ thống đường sắt từ tuyến Lạng Sơn - Tiên Yên qua đảo Cái Bàu dọc theo hành lang tuyến đường vòng đảo và kết nối với đường sắt đi Hạ Long. Có tuyến cáp treo từ đảo Cái Bàu ra đảo Trà Ngộ kết hợp xây dựng các công viên chủ đề ở cả 2 đảo để khai thác hiệu quả hơn tuyến cáp treo này.

+ Có giải pháp cho việc cung cấp điện nước cho dân cư trên đảo như xây dựng thêm nhiều các hồ đập nước. Điều này cần một lượng vốn đầu tư không nhỏ.

- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên và môi trường. Ông Nguyễn Trọng Minh, Chủ tịch UBND huyện Vân Đồn cho biết: “Du lịch nơi đây mới phát triển vài năm gần đây và để duy trì bền vững, chúng tôi ưu tiên hàng đầu công tác bảo vệ môi trường. Nơi đây có Vườn quốc gia Bái Tử Long và chúng tôi đang thí điểm mô hình “cho thuê môi trường để phát triển du lịch”. Các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn đều có cam kết bảo vệ môi trường. Ngay như phát triển thủy sản, chúng tôi chỉ tập trung nuôi các loài nhuyễn thể như khai thác chế biến sứa, sá sùng; nuôi tu hải, hào biển, bào ngư, ngọc trai.... Đồng thời huyện chủ trương hạn chế thấp nhất việc nuôi cá lồng bè trên khu vực biển Vân Đồn để giảm thiểu ô nhiễm môi trường”

- Đẩy mạnh công tác giáo dục bồi dưỡng ý thức phát triển du lịch. Nâng cao trình độ dân trí, năng lực giao tiếp, ứng xử của nhân dân để có một môi trường du lịch lành mạnh. Đào tạo đội ngũ lao động chuyên môn nghiệp vụ cao.

- Thông thoáng các thủ tục hành chính để thu hút vốn đầu tư.

4.2 Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư.

- Tiếp tục hoàn thiện việc nâng cấp tỉnh lộ 334 đến Bãi Dài, triển khai dự án cấp nước sinh hoạt, hệ thống điện trên các xã đảo, vùng sâu..Quy hoạch xây dựng cảng tàu du lịch nhằm đưa mở rộng khai thác thật tốt các tuyến du lịch biển đảo.

- Có chính sách và áp dụng cơ chế ưu đãi để khuyến khích thu hút vốn đầu tư có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực du lịch ví dụ như việc cho doanh nghiệp vay dài hạn với lãi suất thấp.

- Nhà nước và các cơ quan ban ngành cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn để nâng cao số lượng cũng như chất lượng của các khách sạn, nhà hàng. Đồng thời việc sửa chữa, xây mới và nâng cấp phải đảm bảo không được ảnh hưởng đến môi trường , cảnh quan, cũng như cuộc sống hàng ngày của người dân sở tại. Đặc biệt quan tâm đến việc tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, cần có cơ chế để doanh nghiệp của tư nhân được vay vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) như các cơ sở kinh doanh nhà nước. Trước sự mở đường này, nền kinh tế

nói chung cũng như ngành du lịch nói riêng của huyện sẽ có những đổi thay đáng kể.

- Cần nghiên cứu sát sao, đưa ra và chứng minh được tính khả thi của các dự án để thu hút vốn đầu tư như xây dựng khu sinh thái, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí chất lượng cao... Các dự án này đảm bảo có quy hoạch cụ thể, đảm bảo được mục tiêu phát triển bền vững. Các dự án này có thể do tỉnh, địa phương hay các doanh nghiệp đưa ra nhưng nhất thiết là phải có sự hỗ trợ đặc lực của các cơ quan chức năng.

- Phát triển hệ thống ngân hàng trong khả năng có thể. Sở dĩ, em nêu lên giải pháp này là xuất phát từ thực tế tại Vân Đồn hầu như là không phát triển loại hình kinh doanh này mà theo một chuyên gia kinh tế: “ thì một trong những điểm dừng đầu tiên trên con đường đi tìm nguồn tài chính là đến ngân hàng địa phương nằm trên con đường cao tốc gần nơi bạn sinh sống”. Đây chính là nơi huy động vốn rất hiệu quả mà không phải loại hình nào cũng làm được.

Nếu được đầu tư hợp lý và đúng mức cùng sự tham gia ủng hộ của chính quyền địa phương, du lịch Vân Đồn sẽ có những bước tiến không nhỏ.

4.3 Đa dạng hóa sản phẩm.

Một trong những hạn chế rất lớn của Vân Đồn là sự nghèo nàn của các loại hình du lịch, chỉ xoay quanh loại hình nghỉ biển, tham quan di tích lịch sử thì chỉ là loại hình đi kèm. Sự đơn điệu này không có sức giữ chân khách lâu ngày. Khách đến với Vân Đồn hầu như chỉ ở trong một đến hai ngày, thậm chí là sáng đi chiều về mà chủ yếu là lượng khách địa phương và các vùng lân cận đến đây để tắm biển trong mùa hè. Vấn đề đặt ra là làm sao để khắc phục được hạn chế đó. Sau đây là một vài giải pháp cho việc đa dạng hóa sản phẩm:

- Đẩy mạnh loại hình du lịch nhân văn, đưa các di tích lịch sử vào chuyên tham quan của du khách. Đặc biệt là đẩy mạnh phát triển loại hình du lịch này vào trái mùa du lịch biển, kết hợp với các tour du lịch ở các vùng lân cận như Hạ Long, Cẩm Phả, Cửa Ông, Móng Cái, xa hơn là Trung Quốc. Đối với loại hình du lịch Lễ hội cần quảng bá rộng rãi, có những hoạt động sôi động sẽ giúp khách tìm hiểu sâu

hơn về văn hóa bản địa, điều này chắc chắn sẽ để lại ấn tượng tốt trong lòng du khách.

- Với địa hình biển kết hợp với núi, hoàn toàn có thể xây dựng loại hình du lịch mạo hiểm như lặn biển, mô tô nước, ca nô kéo dù bay, hay leo núi tạo cảm giác mới lạ và mạo hiểm sẽ thu hút mạnh du khách tầm tuổi thanh thiếu niên.

- Xây dựng loại hình du lịch nghỉ dưỡng dài ngày thu hút khách đến quanh năm và kéo dài thời gian lưu trú của khách.

- Xây dựng các tour cắm trại dành cho lứa tuổi học sinh, sinh viên. Các loại hình vui chơi giải trí cũng nên được thúc đẩy phát triển như việc có một hệ thống các cửa hàng bán đồ lưu niệm cho khách, các điểm cho thuê áo tắm, ô che nắng...

- Đưa vào khai thác các loại hình du lịch mới - du lịch khảo cổ, tập trung phát triển tại khu du lịch động Đông Trong với nhiều di chỉ khảo cổ giá trị mà chưa được phổ biến rộng rãi.

Tuy nhiên, bên cạnh mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm du lịch để tạo sự mới mẻ cho tâm lý du khách và lôi cuốn họ trở lại vào những lần tiếp theo thì huyện cũng nên hướng tới việc cần xây dựng một sản phẩm đặc thù, mang nét đặc trưng riêng mà mỗi khi nhắc tới Vân Đồn người ta đều nhớ tới.

Sau đây là một số tour du lịch đã được các công ty du lịch chào bán trên thị trường và hấp dẫn được khách du lịch:

Hà Nội – Đền Cửa Ông – Vân Đồn – Bái Tử Long (02 ngày 01 đêm)

Du lịch nhân văn kết hợp với du lịch nghỉ biển

Hà Nội – Bái Tử Long – Vân Đồn (03 ngày 02 đêm)

Du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển kết hợp nhân văn

Hà Nội – Vân Đồn – Quan Lạn – Bái Tử Long (03 ngày 02 đêm)

Du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển, nhân văn

4.4 Xúc tiến quảng cáo

- Chất lượng phục vụ khách là vô cùng quan trọng để thu hút khách hàng, đồng thời nếu khách được phục vụ tốt, khách thấy hài lòng sẽ là một cơ hội để khách hàng quảng cáo cho du lịch nơi đây. Họ có thể về kể với bạn bè, người thân,

đồng nghiệp. Những thông tin truyền miệng này phản hồi từ khách là một hình thức quảng cáo rất tốt và hiệu quả vì nó đánh vào thị hiếu và sự tò mò của khách mà không hề tốn kém.

- Xây dựng các trung tâm thông tin du lịch như tích cực đưa các thông tin lên mạng, lập các banner quảng cáo trong các trang web và các bảng biểu trên các nẻo đường. In các ấn phẩm đẹp giới thiệu về Vân Đồn ở các khu Du lịch. Nội dung quảng cáo phải đảm bảo tính khái quát, ngắn gọn nhưng cũng cung cấp đầy đủ lượng kiến thức cần thiết cho khách. Hay thiết lập một tổng đài điện thoại chuyên tư vấn các vấn đề liên quan đến du lịch Vân Đồn.

- Phối hợp tốt với các cơ quan truyền thông của địa phương, tỉnh, thành phố và các vùng lân cận đưa ra các phóng sự, phim tài liệu để giới thiệu và tuyên truyền rộng rãi.

- Hàng năm, địa phương nên trích khoảng 1% ngân sách cho chi phí công tác quảng cáo du lịch. Hiện nay, việc Marketing còn khá đơn điệu. Thử nghiệm tổ chức các hội chợ du lịch, các hoạt động du lịch mang tính cộng đồng để nhằm thu hút du khách cũng như cho các nhà đầu tư thấy được tiềm năng của huyện.

- Tiến tới xây dựng một “carnaval Bái tử Long” – một hình thức thu hút cực kì hiệu quả, có tầm ảnh hưởng lớn và rộng rãi trong và ngoài nước.

4.5 Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi phải có sự giao tiếp rộng và trực tiếp của khách, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của nhân viên du lịch. Vì vậy nguồn nhân lực ngành du lịch cần được đào tạo và nâng cao kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành.

Để cải thiện số lượng và chất lượng lao động trong ngành du lịch ở huyện Vân Đồn, có một số giải pháp sau:

- Đối với những lao động đã hoạt động nhiều năm, cần được cho đi học những lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học cơ bản.

- Bên cạnh đó, tiến hành kêu gọi đầu tư để mở các trung tâm dạy nghề tại chỗ, xa hơn nữa là các trường đại học, cao đẳng chuyên đào tạo về ngành du lịch, chuẩn

bị đào tạo cho đội ngũ lao động kế cận thêm lành nghề và mang tính chuyên nghiệp cao đáp ứng được nhịp độ đòi hỏi phát triển sau này.

- Đào tạo cấp tốc một đội ngũ hướng dẫn viên điếm tại các điếm di tích để giúp du khách hiểu sâu sắc hơn về di tích, đồng thời cũng khiến cho hoạt động du lịch tại đây thêm sinh động, hiệu quả cao. Có thể xây dựng lực lượng thuyết minh là người gắn bó với địa phương, đang sống và làm nghề hướng dẫn nghiệp dư. Đặc biệt đào tạo các em là học sinh cấp 3, học xong mà không có điều kiện học tiếp tham gia dẫn khách và thuyết minh điếm. Điều này góp phần lớn vào giải quyết việc làm cho lao động địa phương

- Thường xuyên tổ chức những đợt sát hạch về trình độ chuyên môn để đảm bảo chất lượng lao động.

4.6 Xây dựng môi trường văn hóa du lịch.

Để xây dựng một môi trường văn hóa du lịch đòi hỏi có sự đóng góp của tất cả các yếu tố liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động du lịch. Có được điều này thì mới đảm bảo được sự phát triển du lịch bền vững. Tại đây, ta xem xét văn hóa du lịch ở 3 góc độ chính:

- *Người dân địa phương.*

Dân địa phương là một nhân tố quyết định sự phát triển du lịch bền vững. Chính vì vậy việc lôi cuốn và tạo điều kiện cho người dân tham gia vào hoạt động du lịch là việc làm rất cần thiết. Khi lợi ích của địa phương gắn liền với lợi ích của chính bản thân họ thì ý thức cũng từ đó mà tăng lên.

- Tuyên truyền tới nhân dân lợi ích của việc tham gia các hoạt động du lịch tại địa phương, cả lợi ích về kinh tế và lợi ích về xã hội, lợi ích hiện tại và lợi ích của tương lai. Từ đó động viên cộng đồng dân cư tự nguyện tham gia vào phục vụ cho hoạt động du lịch phát triển.

- Giáo dục người dân những kiến thức cơ bản về du lịch, về nghiệp vụ cũng như thái độ niềm nở, nồng nhiệt trước khách du lịch để khách có một ấn tượng tốt về mảnh đất này.

- Đây là đối tượng mà ta không thể tập trung họ lại để tuyên truyền, giáo dục về ý thức bảo vệ môi trường sinh thái mà ta nên sử dụng nhiều hình thức sinh động như: biểu ngữ, bảng hướng dẫn, tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, liên kết với các đoàn thể tổ chức vận động, thi đua tìm hiểu du lịch trong học sinh, thanh niên địa phương.

- *Đối với khách du lịch.*

- Ngoài những bảng biểu hướng dẫn, cần có những quyết định nhằm giúp cho khách du lịch biết tôn trọng những giá trị tự nhiên và văn hóa của điểm du lịch như hình thức phạt tiền khi làm tổn hại đến môi trường.

- Cần có hướng dẫn chi tiết cho khách hiểu và có thái độ đúng mực với các phong tục tập quán của cư dân địa phương, những phong tục cần được duy trì và bảo vệ.

- *Đối với các tổ chức quản lý và nhân viên du lịch.*

- Đề xuất xây dựng phòng du lịch huyện có chức năng chuyên quản lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động du lịch để công tác quản lý có tính chuyên môn sâu và có tính sát sao và hiệu quả cao. Phòng ban này cũng có nhiệm vụ giao lưu với nhân dân địa phương, việc này sẽ giúp công tác tuyên truyền tốt hơn.

- Ngoài việc đòi hỏi nghiệp vụ cao, các nhân viên phục vụ trong ngành du lịch luôn có một thái độ niềm nở, thân thiện, nhiệt tình với du khách. Cần thiết kế đồng phục riêng, điều này vừa tạo được tính chuyên nghiệp cho công tác kinh doanh, vừa tạo nên tính riêng biệt cho du lịch huyện. Văn hóa du lịch phải được thực hiện ngay tại các sản phẩm du lịch như ăn uống, lưu trú, giải trí... mà vai trò quyết định là ở người phục vụ tạo nên sản phẩm đó.

Nói về đội ngũ nhân viên phục vụ trong các khách sạn 2 – 3 sao trên địa bàn huyện là một vấn đề vô cùng nóng. Trong 5 tiêu chuẩn xếp hạng khách sạn mà Tổng cục du lịch Việt Nam đã đề ra thì tiêu chuẩn về nhân viên phục vụ chỉ rõ:

- Về nghiệp vụ : Những người quản lý và nhân viên phục vụ phải qua đào tạo và bố trí theo đúng nghiệp vụ chuyên môn.

- Về sức khoẻ : Những nhân viên phục vụ phải qua kiểm tra sức khoẻ (có giấy chứng nhận).

- Về trang phục : Những người quản lý và nhân viên phục vụ phải mặc đồng phục đúng theo quy định của khách sạn đối với từng chức danh và từng bộ phận dịch vụ trong thời gian làm việc tại khách sạn.

Làm thế nào để huyện có thể đáp ứng được các tiêu chuẩn về nhân lực như trên đòi hỏi một sự cố gắng không nhỏ.

Việc xây dựng văn hóa du lịch là cách giải quyết quan hệ giữa người dân địa phương, khách du lịch và các tổ chức quản lý cùng nhân viên du lịch. Điều này thật sự cần thiết đối với sự phát triển lâu dài của điểm du lịch. Sự hiếu khách luôn mang lại sự thành công lớn cho du lịch. Hiếu khách là bản chất của người dân Vân Đồn, nó cần được phát huy tối đa.

Nên chăng tổ chức đội quân chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp, tình nguyện của địa phương để bảo vệ môi trường tự nhiên và văn hóa của Vân Đồn. Kinh phí được xã hội hóa từ đóng góp của doanh nghiệp trên địa bàn.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trên đây là phương hướng, mục tiêu và một số giải pháp để phát triển du lịch Vân Đồn. Trong quá trình phát triển phải luôn đưa mục tiêu phát triển du lịch bền vững lên hàng đầu. Các giải pháp phải được thực hiện đồng bộ, vì giữa chúng luôn có mối quan hệ khăng khít và bổ trợ lẫn nhau. Thực hiện làm sao để Du lịch Vân Đồn không chỉ đáp ứng mục tiêu kinh tế - xã hội mà nó còn trở thành một điểm đến không thể thiếu khi mỗi du khách đặt chân đến mảnh đất Quảng Ninh.

PHẦN KẾT LUẬN

Quảng Ninh là một trọng điểm kinh tế, một đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đồng thời là một trong bốn trung tâm du lịch lớn của Việt Nam với di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long đã hai lần được UNESCO công nhận, với một Yên Tử trung tâm phật giáo lớn nhất của cả nước, với Móng Cái – nơi địa đầu của tổ quốc và với Vân Đồn – Trung tâm sinh thái biển đảo cao cấp. Để hướng tới một Trung tâm du lịch cao cấp xứng tầm, để cái tên Vân Đồn sẽ trở nên quen thuộc đối với nhiều du khách trong và ngoài nước trong các hành trình du lịch đặc sắc thì yêu cầu đặt ra hàng đầu đó là:

- Vấn đề về cơ sở vật chất – cơ sở hạ tầng
- Công tác Marketing, quảng cáo tuyên truyền du lịch khắp trong và ngoài nước.
- Có chế độ chính sách ưu đãi phát triển du lịch sinh thái bền vững, tạo ra những sản phẩm mang đặc trưng riêng
- Vấn đề về lao động du lịch và nhận thức người dân địa phương.

Để phát triển Vân Đồn thành trung tâm du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao riêng huyện không thể làm được mà cần có sự tham gia ủng hộ, chỉ đạo tích cực của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, của tỉnh và các ngành chức năng. Mong rằng Quy hoạch xây dựng tổng thể Khu kinh tế Vân Đồn sớm được Chính phủ tiến hành và Ban quản lý Khu kinh tế được thành lập sẽ tạo những cú hích giúp huyện tháo gỡ được những khó khăn.

Hãy cùng chung tay góp sức để ngày mới của Vân Đồn thêm rạng ngời, để “Đôi giày bầy dậm” không còn là trong cổ tích, để ngày “núi dài di sản “ không còn xa vời.

Đến và lắng nghe hương vị của biển, đắm chìm trong các câu chuyện hào hùng của cha ông, trở về cội nguồn của dân tộc, cảm nhận được sự nồng ấm và đậm đà của mảnh đất Vân Đồn – một kì quan dựng giữa trời cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) UBND huyện Vân Đồn, *Số liệu thống kê về cơ sở hạ tầng*.
- 2) Phòng văn hóa thể thao du lịch huyện Vân Đồn, *Báo cáo đánh giá tổng kết hoạt động du lịch năm 2009*.
- 3) PTS. TS Nguyễn Minh Tuệ, *Địa lí du lịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
- 4) ThS Bùi Thị Hải Yến, *Tài nguyên Du lịch*, NXB Giáo dục, 2007.
- 5) ThS Bùi Thị Hải Yến, *Quy hoạch du lịch*, NXB Giáo dục, 2006.
- 6) Nhà xuất bản Quốc gia Hà Nội, *Luật du lịch Việt Nam*, 2006.

PHỤ LỤC

Hà Nội – Đền Cửa Ông – Vân Đồn – Bái Tử Long (02 ngày 01 đêm)

Du lịch nhân văn, nghỉ biển, mua sắm

Ngày 1: Hà Nội – Đền Cửa Ông – Vân Đồn Bái Tử Long (Ăn trưa, tối)

Sáng: 06h00 xe khởi hành từ Hà Nội đưa Quý khách đi Hạ Long trên đường quý khách dừng chân ở thành phố Hải Dương tự do ăn sáng và tiếp tục cuộc hành trình qua thành phố Hạ Long.

10h00: Tới đền Cửa Ông quý khách vào thăm đền và dâng hương (nghe giới thiệu về cuộc đời và chiến công của tướng quân Trần Quốc Tảng cũng như sự hiển thánh của ông) sau đó quý khách lễ chùa và ngắm cảnh quan bên Vân Đồn.

Trưa : 11h30 Đến khu du lịch sinh thái biển Bái Tử Long tại Vân Đồn, Quý khách nhận phòng nghỉ và ăn trưa tại nhà hàng ATI – Bái Tử Long.

Buổi chiều: đoàn nghỉ ngơi, tắm biển, tự do dạo chơi trong khu du lịch.

Buổi tối: Ăn tối. Nghỉ đêm tại khu du lịch ATI Bái Tử Long (thuộc huyện Vân Đồn)

Ngày 2: Vân Đồn – Mua sắm chợ Hạ Long – Hà Nội (Ăn sáng, trưa)

Sáng: Quý khách sáng tại nhà hàng sau đó Quý khách tự do tắm biển, mua sắm quà hoặc tham gia các trò chơi thể thao trên biển: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông...

11h00: Ăn trưa tại khu du lịch.

Trưa: 12h00 quý khách trả phòng khách sạn.

Chiều: 13h00 Quý khách lên xe qua chợ Hạ Long đoàn dừng chân mua sắm tại chợ 40 phút sau đó lên xe về Hà Nội trên đường đoàn ghé qua TP Hải Dương mua bánh đậu xanh, bánh gai về làm quà.

18h00: Xe tới Hà Nội, kết thúc chuyến đi...

Hà Nội - Vân Đồn - Bái Tử Long - Quan Lạn - Hà Nội

Ngày 1: Hà Nội – Vân Đồn – Bái Tử Long (Ăn trưa, tối)

06h00: Xe đón Quý khách khởi hành từ Hà Nội đưa Quý khách đi Hạ Long, 09h30: Tới thành phố Hạ Long, 11h00: Đến khu du lịch sinh thái biển Bái Tử Long tại Vân Đồn, Quý khách nhận phòng nghỉ.. 12h30: Ăn trưa tại nhà hàng – Bái Tử Long. Buổi chiều: đoàn nghỉ ngơi, tắm biển, tự do dạo chơi trong khu du lịch. 18h30: Ăn tối. Nghỉ đêm tại khu du lịch ATI Bái Tử Long (thuộc huyện Vân Đồn)

Ngày 2: Vân Đồn – Quan Lạn (Ăn sáng, trưa, tối)

06h00: Quý khách ăn sáng, trả phòng KS. 06h45: Xe sẽ đón Quý khách ra bến tàu khởi hành đi Quan Lạn, trên đường Quý khách có cơ hội ngắm nhìn phong cảnh tuyệt đẹp của vịnh Bái Tử Long hùng vĩ. 9h30: Đến đảo Quan Lạn, Quý khách tự do tắm biển và tham gia các trò chơi bãi biển. 11h30: Ăn trưa tại nhà hàng – đảo Quan Lạn, nhận phòng KS. 14h00 : xe Túc Túc (Một loại xe 3 bánh đặc trưng trên đảo) sẽ đón quý khách và gia đình, đưa quý khách đi thăm một số danh thắng trên xã đảo: Đền, miếu, đình, nghề Quan Lạn... tìm hiểu cuộc sống của dân cư trên đảo nơi cách đất liền. 16h00: Quý khách quay trở về khách sạn, tự do tắm biển. 18h30: Ăn tối. Nghỉ đêm tại khách sạn.

Ngày 3: Quan Lạn – Vân Đồn – Hà Nội (Ăn sáng, trưa)

07h00: Ăn sáng, trả phòng khách sạn, 8h00 quý khách lên tàu cao tốc trở lại Vân Đồn. 9h00 về đến Vân Đồn. Lên xe về Hà Nội. 11h00: Ăn trưa tại Hạ Long. 12h30: Quý khách lên xe về Hà Nội, dừng chân nghỉ tại Hải Dương 18h00: Xe tới Hà Nội, kết thúc chuyến đi.



Bản đồ Huyện Vân Đồn



Vườn quốc gia Bái Tử Long



Khu du lịch sinh thái Bái Tử Long



Bãi biển Minh Châu



Lễ hội Quan Lạn



Đình Quan Lạn



Chùa Cái Bàu

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
MỤC LỤC CÁC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU, BIỂU ĐỒ.....	2
PHẦN MỞ ĐẦU	3
1. Lý do chọn đề tài.	3
2. Mục đích nghiên cứu.	3
3. Đối tượng.	4
4. Nhiệm vụ.....	4
5. Phạm vi nghiên cứu	4
6. Phương pháp nghiên cứu.	4
7. Cấu trúc của khoá luận.....	4
PHẦN NỘI DUNG	5
Chương 1	5
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VÀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH	5
1. Khái niệm về Du lịch.	5
2. Vai trò của du lịch.....	5
2.1 Đối với kinh tế.....	5
2.2 Đối với xã hội.....	7
2.3 Đối với môi trường sinh thái.	8
3. Tài nguyên Du lịch.	9
3.1 Khái niệm về tài nguyên Du lịch.....	9
3.2 Đặc điểm của tài nguyên du lịch.(5 đặc điểm).....	10
3.3 Vai trò của tài nguyên du lịch.	10
3.4 Phân loại của tài nguyên du lịch.	12
3.4.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.	13
3.4.1.1. Địa hình	13
3.4.1.2. Khí hậu	14
3.4.1.3. Tài nguyên nước.....	15
3.4.1.4. Tài nguyên sinh vật.	16
3.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn (TNDLNV):	16
3.4.2.1. Các di sản văn hoá thế giới và di tích lịch sử - văn hoá.....	17
3.4.2.2. Các lễ hội.....	18
3.4.2.3. Các đối tượng khác.....	19
4. Cơ sở hạ tầng – Cơ sở vật chất phục vụ du lịch	20
4.1 Cơ sở lưu trú và ăn uống.	20
4.2 Cơ sở giao thông vận tải phục vụ cho du lịch.....	21
4.3 Mạng lưới các cửa hàng thương nghiệp.....	21
4.4 Cơ sở thể thao.....	21
4.5 Cơ sở y tế.....	21
4.6 Các công trình thông tin văn hóa, tuyên truyền và quảng cáo.	21
4.7 Cơ sở phục vụ dịch vụ bổ sung.	21
5. Xu hướng phát triển du lịch.	22
Chương 2	26

TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN	26
DU LỊCH HUYỆN VÂN ĐỒN	26
1. Tiềm năng du lịch Huyện Vân Đồn.....	26
1.1 Vài nét về Huyện Vân Đồn và tỉnh Quảng Ninh.	26
1.1.1 Vài nét về tỉnh Quảng Ninh.	26
1.1.2 Khái quát về huyện đảo Vân Đồn.....	28
1.2. Tài nguyên du lịch của Vân Đồn.....	30
1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.	30
1.2.1.1 Địa hình	30
1.2.1.2. Khí hậu.	31
1.2.1.3. Tài nguyên sinh vật – Vườn Quốc gia Bái Tử Long.....	31
1.2.1.4. Khu du lịch sinh thái Bái Tử Long.....	33
1.2.1.5. Quan Lạn – Vùng biển đảo huyền thoại.....	34
1.2.2. Tài nguyên nhân văn.....	36
1.2.2.1. Di tích lịch sử văn hóa.....	36
1.2.2.2. Lễ hội truyền thống: Lễ hội Quan Lạn.....	44
1.2.2.3. Văn hóa ẩm thực.....	45
2. Thực trạng của hoạt động kinh doanh du lịch.	47
2.1 Đánh giá kết quả hoạt động du lịch.....	47
2.2 Đánh giá về khai thác các tài nguyên du lịch.....	49
2.2.1 Tài nguyên tự nhiên.	49
2.2.2 Tài nguyên nhân văn.....	50
2.3 Cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch.....	51
2.3.1 Cơ sở hạ tầng.	51
2.3.2 Cơ sở dịch vụ du lịch.....	53
2.4 Đánh giá về môi trường.....	54
2.5 Đánh giá về lao động trong ngành.	55
2.6 Đánh giá về tổ chức kinh doanh du lịch.....	55
Chương 3	57
MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÓ HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG DU LỊCH VÂN ĐỒN.....	57
1. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội Quảng Ninh.	57
1.1 Quan điểm phát triển.	57
1.2 Mục tiêu phát triển.	58
2. Phương hướng và mục tiêu phát triển du lịch huyện Vân Đồn.	60
2.1 Phương hướng.	60
2.2 Mục tiêu.....	60
3. Một số thuận lợi và khó khăn để phát triển du lịch hiện nay.	61
3.1 Thuận Lợi.	61
3.2 Khó khăn.	64
4. Các giải pháp để phát triển du lịch.	65
4.1 Quy hoạch du lịch.....	65
4.2 Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư.....	67
4.3 Đa dạng hóa sản phẩm.	68

4.4 Xúc tiến quảng cáo	69
4.5 Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.	70
4.6 Xây dựng môi trường văn hóa du lịch.	71
PHẦN KẾT LUẬN	74
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	75
PHỤ LỤC	76